BÀI GIẢNG
KẾ TOÁN THUẾ

MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

- **Cung cấp những kiến thức cơ bản về thuế GTGT, thuế XNK, thuế TTĐB, thuế TNDN.**
- **Cung cấp những kiến thức về cách tính thuế, phương pháp tính thuế GTGT, thuế XNK, thuế TTĐB, thuế TNDN.**
- **Cung cấp những kiến thức về phương pháp hạch toán thuế GTGT, thuế XNK, thuế TTĐB, thuế TNDN.**
- **Giúp người học cách lập tờ khai thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNDN, cách điều chỉnh, phân bổ thuế GTGT, quyết toán thuế GTGT,....**

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

- **Nắm được các căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế GTGT, thuế XNK, thuế TTĐB, thuế TNDN.**
- **Năm được cách hạnh toán thuế GTGT, thuế thuế XNK, TTĐB, thuế TNDN.**
- **Nắm được các nguyên tắc được khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT.**
- **Nắm được cách lập Tờ khai thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNDN, các BK điều chỉnh, phân bổ thuế GTGT, lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN.**
- **Làm bài tập để củng cố lý thuyết và nâng cao khả năng thực hành Kế toán thuế.**

NỘI DUNG MÔN HỌC

CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG.

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU.

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT.

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DN.

CHƯƠNG 1

KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

- **Hiểu được thuế GTGT là gì?.**
- **Tại sao gọi là thuế GTGT?.**
- **Ai là người nộp thuế, ai là người chịu thuế?.**
- **Tại sao nói thuế GTGT là thuế gián thu?.**
- **Đối tượng nào chịu thuế và không chịu thuế GTGT?.**
- **Kê khai nộp thuế, quyết toán, hoàn thuế GTGT?.**
- **Phương pháp xác định thuế GTGT phải nộp?**
- **Cách lập Tờ khai thuế GTGT và các bảng phân bổ, bảng giải trình thuế GTGT?.**
- **Hạch toán thuế GTGT tại DN?.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thuế GTGT ngày 17/06/2003.

2. Ngô Thế Chi, Nguyễn Văn Hiệu, 2004. Hướng dẫn thực hành Thuế và Kế toán thuế. NXB Tài chính.

3. Nghị định 158/2003/NĐ - CP ngày 10/12/2003.

4. Thông tư 120/2003/TT - BTC ngày 12/12/2003.

5. Thông tư 127/2003/TT - BTC ngày 22/12/2003.

6. Thông tư 127/2004/TT - BTC ngày 27/12/2004.

7. Nghị định 152/2004/NĐ - CP ngày 06/08/2004.

8. Nghị định 148/2004NĐ –CP ngày 23/07/2004.

9. Thông tư 84/TT-BTC-BTC ngày 18/08/2004

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ GTGT

***. Khái niệm về thuế GTGT.**

Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của HHDV phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

***. Đặc điểm:**

- Là loại thuế gián thu.

- Chỉ đánh trên phần giá trị tăng thêm của HHDV

- Đánh trên nhiều giai đoạn của quá trình luân chuyển HHDV.

- Mang tính trung lập cao.

- Mang tính lãnh thổ.

AI LÀ NGƯỜI NỘP THUẾ GTGT

*** Đối tượng nộp thuế GTGT?.**

- Các tổ chức, cá nhân (CSKD) có hoạt động SXKD HHDV chịu thuế GTGT.

- Các tổ chức cá nhân có NK HH chịu thuế GTGT.

Tại sao thuế GTGT đánh trên hàng nhập khẩu? Điều này có phù hợp với thông lệ quốc tế không?

*** Đối tượng chịu thuế GTGT?**

HHDV dùng cho SXKD và tiêu dùng ở VN (trừ 29 nhóm HHDV được quy định tại Điều 4 Luật thuế GTGT).

*** Đối tượng không chịu thuế GTGT?.**

Bao gồm 29 nhóm HHDV (Điều 4 Luật thuế GTGT)

Chú ý: Các CSKD kinh doanh mặt hàng không chịu thuế GTGT

- **Không phải nộp thuế GTGT.**
- **Không được khấu trừ thuế GTGT.**
- **Không được hoàn lại thuế GTGT**

Phân biệt sự giống và khác nhau giữa HHDV không chịu thuế GTGT và chịu thuế GTGT 0%?

CĂN CỨ TÍNH THUẾ GTGT

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

.Giá tính thuế GTGT.

- Đối với HHDV do CSSX bán ra:

- Đối với HHDV trao đổi, sử dụng nội bộ, biếu tặng:

- Đối với hàng hoá bán trả góp:

- Đối với hàng hóa gia công:

- Đối với đại lý bán hàng hưởng hoa hồng:

- Đối với h/đ vận tải, bốc xếp:

- Đối với h/đ XD, lắp đặt:

- Đối với dịch vụ cầm đồ:

- Đối với sách, báo, tạp chí:

- Đối với hàng hóa nhập khẩu,....

CĂN CỨ TÍNH THUẾ GTGT (tt)

***. *Thuế suất thuế GTGT:* Hiện nay bao gồm 3 mức thuế suất thuế GTGT *0%, 5%, 10%* trong đó.**

- **Thuế suất 0% áp dụng đối với: Hàng hóa xuất khẩu.**

  Cơ sở KD được áp dụng thuế suất 0%, không phải nộp thuế đồng thời sẽ được KT hoặc hoàn lại thuế GTGT đầu vào của SPXK (đơn vị nộp thuế khấu trừ)

- **Thuế suất 5% và 10% áp dụng đối với: Hàng hóa phổ thông, thiết yếu trong đời sống như điện, nước, sắt, thép,, mỹ phẩm, khách sạn,.... (Tham khảo Thông tư 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003)**

  Thuế GTGT = Giá chưa thuế GTGT x Thuế suất

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GTGT

*** Phương pháp khấu trừ.**

- **Đối tượng áp dụng:**

  Tất cả các CSKD đã thực hiện đầy đủ chế độ kế toán hóa đơn chứng từ, đủ căn cứ để xác định nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- **Phương pháp xác định thuế GTGT phải nộp.**

Thuế GTGT phải nộp	**=**	**Thuế GTGT đầu ra**	**-**	**Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ**

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GTGT (tt)

*** Phương pháp trực tiếp:**

- **Đối tượng áp dụng:**

  - Cá nhân SXKD là người VN.

  - Tổ chức, cá nhân nước ngoài KD tại VN không theo Luật đầu tư nước ngoài tại VN chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hóa đơn, chứng từ.

  - Cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý, ngoại tệ.

- **Phương pháp xác định thuế GTGT phải nộp.**

Thuế GTGT phải nộp	**=**	**Giá trị gia tăng của HHDV**	**x**	**Thuế suất thuế GTGT**

PHƯƠNG PHÁP ẤN ĐỊNH THUẾ GTGT

- **Đối với CSKD chỉ có hóa đơn, chứng từ, có ghi chép sổ sách kế toán khi bán hàng nhưng không có hoặc có không đầy đủ hóa đơn chứng từ mua vào tương ứng thì thuế GTGT phải nộp được xác định như sau.**

Thuế GTGT phải nộp	=	**Doanh số bán ra theo hóa đơn**	x	**Tỉ lệ (%) GTGT**	x	**Thuế suất thuế GTGT**

PHƯƠNG PHÁP ẤN ĐỊNH THUẾ GTGT(tt)

- **Đối với CSKD chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ, không xác định được doanh số bán ra, mua vào tương ứng thì thuế GTGT phải nộp được xác định như sau.**

Thuế GTGT phải nộp	=	**Doanh số ấn định**	x	**Tỉ lệ (%) GTGT**	x	**Thuế suất thuế GTGT**

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN, HOÀN THUẾ GTGT

- **Đăng ký thuế.**

  Tất cả các CSKD thuộc mọi thành phần kinh tế (kể cả các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc CSKD) đều phải ĐKT với cơ quan thuế chậm nhất là *10 ngày* kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD

- **Kê khai nộp thuế.**

  - Tất cả các CSKD đều phải lập *Tờ khai thuế* và các BK liên quan gửi cho C.quan thuế.

  - Thời gian gửi Tờ khai thuế chậm nhất không quá *10 ngày* đầu tháng tiếp theo và nộp số thuế vào NSNN chậm nhất không quá ngày 25 của tháng đó.

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ QUYẾT TOÁN, HOÀN THUẾ GTGT (tt)

- **Quyết toán thuế:**

- Tất cả các CSKD phải thực hiện quyết toán thuế về số thuế đã nộp, nộp thiếu, nộp thừa,... trong năm đó.

- Thời lập và gửi quyết toán thuế.

+ Đối với công ty, doang nghiệp: Là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (31/12).

+ Đối với tổng công ty, tập đoàn,...Là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (31/12).

Nếu nộp thiếu, phải nộp số thuế đó vào NSNN trong vòng 10 ngày kể từ ngày nộp quyết toán thuế, nếu nộp thừa sẽ được khấu trừ vào số phải nộp kỳ sau.

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ QUYẾT TOÁN, HOÀN THUẾ GTGT (tt)

- **Hoàn thuế GTGT:** ***Việc hoàn thuế chỉ áp dụng cho CSKD nộp thuế khấu trừ và khi.***

  - Lũy kế thuế đầu vào được khấu trừ liên tục trong 3 tháng lớn hơn đầu ra.

  - Có thuế đầu vào được ktrừ trên 200trđ của HHXK

  - Thuế đầu vào được KT của dự án đầu tư trên 1 năm mà chưa PS doanh thu.

  - Thuế đầu vào được KT của TSCĐ đã được KT 3 tháng mà chưa hết.

  - Các dự án sử dụng vốn ODA, các khoản viện trợ,...

  - CSKD số thuế nộp thừa khi sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản,.....

HOÀN THUẾ GTGT

Tháng kê khai thuế	Thuế GTGT đầu vào được KT	Thuế GTGT đầu ra phát sinh	Thuế GTGT phải nộp	Lũy kế thuế GTGT đầu vào
Tháng 02/06	900	200	- 700	- 700
Tháng 03/06	300	650	350	- 350
Tháng 04/06	400	300	- 100	- 450

Tháng kê khai thuế	Thuế GTGT đầu vào được KT	Thuế GTGT đầu ra phát sinh	Thuế GTGT phải nộp	Lũy kế thuế GTGT đầu vào
Tháng 05/06	900	200	- 700	- 700
Tháng 06/06	300	1.000	700	0
Tháng 07/06	400	200	- 200	- 200

HOÀN THUẾ GTGT (tt)

Tháng kê khai	Thuế GTGT còn được KT Đ.kỳ	Thuế GTGT phải nộp Đ.kỳ	Thuế GTGT đầu vào được KT PS	Thuế GTGT đầu ra PS	Thuế GTGT phải nộp PS	Thuế GTGT còn phải nộp	Thuế GTGT còn được KT	Thuế GTGT đề nghị hoàn	Thuế GTGT chuyển KT kỳ sau
T 1	300	O	400	100	- 300	O	600	O	600
T 2	600	O	500	300	- 200	O	800	O	800
T 3	800	O	200	400	+ 200	O	600	500	100
T 4	100	O	200	900	+ 700	600	O	O	O
T 5	O	600	800	200	- 600	600	600	O	600
T 6	600	600	200	600	+ 400	600	200	O	200
Cộng	300	O	2.300	2.500	X	600	200	500	200

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT

- **Nguyên tắc lập tờ khai thuế (Mẫu 01/GTGT).**

  - Ghi đầy đủ thông tin theo đăng ký thuế

  - Ghi thông tin về kỳ tính thuế ô mã số.

  - Số tiền làm tròn đến đồng Việt Nam.

  - Không có số liệu phát sinh thì bỏ trống không ghi, nếu có số âm thì ghi trong ngoặc đơn (.....).

  - Người đại diện phải ký tên đóng dấu trước khi gửi cơ quan thuế.

  - Một số chỉ tiêu bắt buộc phải có phụ lục hay bảng giải trình kèm theo tờ khai.

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

  - Chỉ tiêu [01] : Ghi tháng, năm lập tờ khai Tờ khai thuế.

  - Chỉ tiêu [02] đến [09]: Ghi những thông tin về DN như đã đăng ký thuế.

  - Chỉ tiêu [10] : Không ghi vào chỉ tiêu này nếu không PS doanh số mua vào bán ra trong tháng và đánh dấu X vào ô, đồng thời các chỉ tiêu còn lại trên tờ khai bỏ trống.

  - Chỉ tiêu [11] : Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào chỉ tiêu [43] của tờ khai kỳ trước liền kề.

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

- Chỉ tiêu [12]: Phản ánh tổng giá trị chưa thuế của HHDV mua vào trong kỳ bao gồm mua trong nước và nhập khẩu:[12] = [14] + [16].

- Chỉ tiêu [13]: Phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ bao gồm cả thuế GTGT của HHDV mua trong nước và ngập khẩu: [13] = [15] + [17].

- Chỉ tiêu [14]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị HHDVmua trong nước chưa có thuế GTGT.

- Chỉ tiêu [15]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số thuế ghi trên HĐ GTGT của HHDV mua vào trong nước

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

  - Chỉ tiêu [16]: Phản ánh tổng giá trị chưa thuế GTGT của HH nhập khẩu trong kỳ.

  - Chỉ tiêu [17]: Phản ánh tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

  - Chỉ tiêu [18] và [20]: Phản ánh các khoản điều chỉnh tăng, giảm giá trị của HHDV mua vào do kê khai sai, nhầm lẫn kỳ trước, trước khi ghi vào chỉ tiêu này, phải lập bảng giải trình 02A/GTGT (sẽ giới thiệu ở phần sau).

  - Chỉ tiêu [19] và [21]: Phản ánh các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào do kê khai sai, nhầm lẫn, hàng không đúng quy cách, chất lượng, tổn thất,.... ***Trước khi ghi vào chỉ tiêu này, phải lập bảng giải trình 02A/GTGT (sẽ giới thiệu ở phần sau).***

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

  - Chỉ tiêu [22]: Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào, chỉ tiêu này được xác định: [22] = [13] + [19] - [21].

  - Chỉ tiêu [23]: Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này, là số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT, nếu CSKD sản xuất, KD HHDV chịu thuế GTGT thì chỉ tiêu này bằng số liệu ở chỉ tiêu [23].

  - Chỉ tiêu [24]: Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu và thuế GTGT đầu ra của HHDV bán ra trong kỳ, bao gồm cả hàng chịu thuế và không chịu thuế GTGT.

  [24] = [26] + [27]

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

- Chỉ tiêu [25]: Tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị HHDV bán ra = [28].

- Chỉ tiêu [26]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là toàn bộ giá trị HHDV bán ra không chịu thuế GTGT.

- Chỉ tiêu [27]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT (giá chưa thuế GTGT). [27] = [29] + [30 + [32]

- Chỉ tiêu [28]:Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với HHDV bán ra chịu thuế.

[28] = [31 + [33]

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

- Chỉ tiêu [29]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT 0%.

- Chỉ tiêu [30]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là giá trị HHDV bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế suất 5%.

- Chỉ tiêu [31]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là thuế GTGT của HHDV bán ra chịu thuế suất 5%.

- Chỉ tiêu [32]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là giá trị HHDV bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế suất 10%.

- Chỉ tiêu [33]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là thuế GTGT của HHDV bán ra chịu thuế suất 10%.

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

- Chỉ tiêu [34] và [36]: Phản ánh các khoản điều chỉnh tăng, giảm giá trị HHDV bán ra (giá chưa thuế GTGT) của các kỳ trước do kê khai sai,nhầm lẫn, bỏ sót,...

- Chỉ tiêu [35] và [37]: Phản ánh các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ trước do kê khai sai,nhầm lẫn, bỏ sót,...

Lưu ý: ***Khi lập chỉ tiêu này, phải lập Bảng giải trình 02A/GTGT kèm theo Tờ khai thuế của tháng đó.***

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

- Chỉ tiêu [38]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ sau khi đã được điều chỉnh (giá chưa thuế), chỉ tiêu này được xác định.

[38] = [24] + [34] - [36]

- Chỉ tiêu [39]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ sau khi đã được điều chỉnh chỉ tiêu này được xác định.

[39] = [25] + [35] - [37]

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

- Chỉ tiêu [40]: Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT phải nộp trong kỳ và được xác định như sau.

Thuế GTGT phải nộp	=	Thuế GTGT đầu ra	-	Thuế GTGT đầu vào được KT	-	Thuế GTGT còn được KT kỳ trước chuyển sang

[40, 41] = [39] - [23] - [11]

+ Nếu kết quả > 0: Số thuế GTGT phải nộp vào NSNN: Ghi vào chỉ tiêu [40].

+ Nếu kết quả < 0: Số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết kỳ này: Ghi vào chỉ tiêu [41].

Lưu ý: Trong một Tờ khai thuế, đã ghi vào chỉ tiêu [40] thì không có chỉ tiêu [41] và ngược lại.

LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT (tt)

- **Cách lập các chỉ tiêu trên tờ khai.**

  - Chỉ tiêu [42]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đã đề nghị hoàn. Khi lập chỉ tiêu này cần chú ý.

  + Trong mọi trường hợp, số liệu ghi vào chỉ tiêu này không được lớn hơn số liệu tại chỉ tiêu [41].

  + Nếu CSKD đã đề nghị hoàn thuế (không phân biệt đã được hoàn hay chưa) thì không được chuyển số thuế đó vào số thuế còn được khấu trừ của kỳ sau.

  - Chỉ tiêu [43]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được xác định. [43] = [41] - [42]

PHÂN BIỆT TỜ KHAI THUẾ GTGT MẪU 01/GTGT VÀ MẪU 01B/GTGT

Công ty sản xuất VLXD M là chủ đầu tư của một Dự án xây dựng Nhà máy gạch Ceramic. Nhà máy đang trong giai đoạn đầu tư XDCB, chưa đi vào h/đ, chưa đăng ký KD, chưa đăng ký thuế.Ban QLDA là một bộ phận trực thuộc C.ty, sau khi Dự án hoàn thành XDCB, Nhà máy sẽ trở thành một CSKD thành viên của C.ty, có ĐKKD, đăng ký thuế riêng. Như vậy, việc KK thuế của C.ty sẽ được thực hiện như sau.

- Thuế GTGT từ h/đ SXKD bình thường của C.ty được KK vào Tờ khai thuế GTGT (01/GTGT).

- Thuế GTGT đầu vào của Dự án XD Nhà máy được kê khai vào Tờ khai thuế GTGT (01B/GTGT)

KÊ KHAI THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU

Trong tháng 05/2006, Công ty X nhập khẩu 100 tấn NVL về SX hàng hóa chịu thuế GTGT, giá hàng nhập khẩu 10 tỉ đồng, thuế NK 20%, thuế GTGT 10%. Theo thông báo của Hải quan thời hạn nộp thuế GTGT hàng NK cuối cùng là ngày 15/06/2006.

TH1:Nếu Công ty chưa nộp thuế GTGT trong tháng 05.

- Tại kỳ kê khai thuế tháng 05/2006: Ghi giá trị hàng NK là 12 tỉ đồng vào chỉ tiêu [16], không ghi số thuế GTGT hàng NK vào chỉ tiêu [17].

TH1:Nếu Công ty nộp thuế GTGT trong tháng 06.

- Tại kỳ kê khai thuế tháng 06/2006: C.ty chỉ ghi số thuế GTGT đã nộp 1,2 tỉ đồng vào chỉ tiêu [17] trên Tờ khai thuế, không ghi giá trị hàng NK vào chỉ tiêu [16].

KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT CỦA HHDV MUA VÀO

- **Vì sao phải kê khai điều chỉnh.**

  - Nhầm lẫn, sai sót khi tính toán, ghi chép

  - Ghi chép hóa đơn không đúng quy định.

  - Mất mát, tổn thất, thiên tai,...

  - Hàng không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại.

  - Không nắm rõ Luật thuế.,....

- **Trình tự thực hiện kê khai điều chỉnh.**

  Lập Bảng giải trình 02A/GTGT nêu rõ lý do điều chỉnh tăng, giảm. Sau đó tổng hợp số liệu để lập các chỉ tiêu điều chỉnh tăng, giảm trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT CỦA HHDV MUA VÀO (tt)

- ***Trong tháng 03/06, Cơ quan thuế đã kiểm tra tại C.ty A về tình hình KK thuế và phát hiện như sau.***

Ngày 05/02/06, C.ty A mua giây cáp điện của C.ty X theo Hóa đơn số 056, EN/02, với giá chưa thuế là 50.000.000đ, thuế GTGT 10% nhưng trên HĐ, C.ty X không viết tách ra giá chưa thuế, tiền thuế mà chỉ viết tổng cộng tiền thanh toán là 55.000.000đ. Các chỉ tiêu khác trên HĐ đã ghi đúng quy định. Công ty A đã kê khai thuế GTGT trong tháng 02/06 với doanh số HHDV mua vào chưa thuế là GTGT 50.000.000đ, thuế đầu vào được KT vào là 5.000.000đ chi tiết tại BK 03/GTGT.

Sau khi kiểm tra, CQ thuế không chấp nhận việc KK của C.ty A trong tháng 02/06 và yêu cầu phải điều chỉnh lại trong tháng này với lý do ghi HĐ không đúng quy định?.

KÊ KHAI ĐIỀI CHỈNH THUẾ GTGT CỦA HHDV MUA VÀO (tt)

Như vây,C.ty A phải kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào và giá trị HHDV mua vào của tháng 02/06 như sau.

- **Điều chỉnh *tăng* giá trị HHDV là 5.000.000đ, số liệu này được ghi vào chỉ tiêu [18] trên TK thuế tháng 03/06.**
- **Điều chỉnh *giảm* thuế đầu vào là 5.000.000đ. Số liệu này được ghi vào chỉ tiêu [21] trên TK thuế tháng 03/06.**
- **Đồng thời, C.ty A phải giải trình số kê khai điều chỉnh trên đây tại Bảng giải trình 02A/GTGT kèm theo Tờ khai thuế tháng 03/06.**

PHÂN BỔ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ

- **Vì sao phải phân bổ?.**
- **Mục đích của việc phân bổ?.**
- **Khi nào thực hiện phân bổ?.**
- **Việc phân bổ được dựa vào tiêu thức nào?.**
- **Lập bảng phân bổ thuế GTGT được khấu trừ tháng: Mẫu số 02B/GTGT.**
- **Lập Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT được khấu trừ năm:Mẫu số 02C/GTGT.**

PHÂN BỔ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ THEO DOANH SỐ THÁNG

- **Công ty X là đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, SXKD 2 sản phẩm A và B (SPA chịu thuế GTGT, SP B không chịu thuế GTGT). Trong tháng 03/2006 có các số liệu như sau (ĐVT: 1000đ)**

  - Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho SX 2 sản phẩm A &B là 135.000.

  - Doanh thu của SPA (chưa thuế) là 4.680.000.

  - Doanh thu của SP B là 1.820.000.

  Hãy phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của Công ty X trong tháng 01/2006?.

PHÂN BỔ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ TRONG KỲ (tt): 02B/GTGT

ĐVT: 1.000đ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng DT SP A & B bán ra trong kỳ	6.500.000
2	Doanh thu SP A bán ra trong kỳ	4.680.000
3	Tỉ lệ phần trăm được khấu trừ của tháng	72%
4	Thuế GTGT đầu vào cần được phân bổ	135.000
5	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	97.200

Số thuế 97.200 được ghi vào chỉ tiêu [23] trên Tờ khai thuế tháng 03/06. Cuối năm tài chính, tiến hành phân bổ lại theo doanh số của cả năm theo mẫu số 02C/GTGT.

PHÂN BỔ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ THEO DOANH SỐ NĂM

Trong năm 2005, Công ty A có số liệu về KK thuế như sau (ĐVT: 1.000đ).

- Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào là 4.560.000

- Thuế GTGT đầu vào đã kê khai khấu trừ 12 tháng là 3.172.000.

- Tổng D.thu HHDV bán ra là 75.500.000, trong đó

+ DT chịu thuế GTGT (chưa thuế GTGT) 53.605.000

+ DT không chịu thuế GTGT là 21.895.000

Hãy phân bổ lại thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của Công ty A trong tháng 01/2006?.

KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ NĂM 2005: 02C/GTGT)

ĐVT: 1.000đ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu HHDV bán ra trong năm	75.500.000
2	Doanh thu HHDV bán ra chịu thuế	53.605.000
3	Tỉ lệ phần trăm được khấu trừ của năm	71%
4	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong năm.	4.560.000
5	Thuế GTGT được khấu trừ trong năm.	3.237.600
6	Thuế GTGT đã KK khấu trừ trong năm.	3.172.000
7	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.	+ 65.000

Số thuế 65.000 được ghi vào chỉ tiêu [23] của Tờ khai thuế tháng 01/2006 kèm theo Bảng điều chỉnh này gửi cho CQ thuế

VỀ PHÂN BỔ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ (tt)

- **Tại công ty A, trong năm 2005 có số liệu về kê khai thuế như sau (ĐVT: trđ).**

  - Tổng số thuế đầu vào phát sinh là 5.670 trong đó, thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ là 5.540, thuế đầu vào dùng cho SXKD không chịu thuế là 1.380, thuế GTGT đầu vào dùng chung cho SXKD vừa chịu thuế vừa không chịu thuế GTGT là 750 (đã kê khai khấu trừ 490,5).

  - Theo BCTC cuối năm của C.ty, tổng doanh thu HHDV bán ra là 109.500.000, trong đó DT chịu thuế GTGT (giá chưa thuế) là 69.400.000, DT không chịu thuế GTGT là 40.100.000.

  Yêu cầu: Phân bổ lại số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ năm 2005?.

ĐIỀU CHỈNH CHÊNH LỆCH GIỮA SỐ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ TRÊN TỜ KHAI VÀ HỒ SƠ HOÀN THUẾ

- **Trong tháng 03/2005, Công ty A có số thuế chưa được khấu trừ hết là 312.000.000đ và số thuế này đã được đề nghị hoàn trên Tờ khai thuế của tháng 03/2005. Công ty có đủ đ/k được hoàn lại số thuế này nhưng vì lý do nào đó, đến ngày 20/05/2005 công ty mới làm thủ tục hồ sơ và đề nghị hoàn thuế là 300.000.000đ.**

KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT CỦA HHDV BÁN RA

- **Trong tháng 02/2006, Công ty A xuất bán một hàng cho Công ty B, hóa đơn GTGT số 024 ghi, giá bán chưa thuế VAT 100 trđ, thuế 10%, nhưng đến 13/03/06. Công ty B trả lại một phần của lô hàng trên do không đảm bảo quy cách chất lương theo hóa đơn GTGT số 0012 ghi, trị giá chưa thuế là 30 trđ, thuế 10%. Công ty A đã đồng ý nhận lại lô hàng trên. Hai công ty sẽ điều chỉnh thuế GTGT đầu ra, đầu vào như thế nào để cơ quan thuế chấp nhận khoản điều chỉnh này?.**

KÊ KHAI SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ HOÀN

- ***Tại Công ty X có số liệu về kê khai thuế của các tháng như sau (ĐVT: trđ).***

Tháng kê khai	Thuế GTGT đầu vào được KT MS:[23]	Thuế GTGT đầu ra MS:[39]	Thuế GTGT chưa KT hết kỳ này MS:[41]	Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này MS:[42]	Thuế GTGT còn được KT chuyển sang kỳ sau [43]
01/2005	100	70	30	0	30
02/2005	220	120	130	0	130
03/2005	350	200	320	0 (280)	280 (0)
04/2005	150	250	180	0 (180)	180 (0)

KẾ TOÁN THUẾ GTGT THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ

- **Chứng từ sử dụng.**

  - Hóa đơn GTGT: 01/GTGT

  - Hóa đơn đặc thù (vé tàu, vé xe, vé máy bay,....)

  - Biên lai nộp thuế GTGT, giấy nộp thuế vào NSNN.

  - Bảng kê 02/GTGT, 03/GTGT, 06/GTGT,...

  - Bảng giải trình, phân bổ thuế GTGT mẫu 02A/GTGT, 02B/GTGT, 02C/GTGT.

  - Tờ khai thuế 01/GTGT, 01B/GTGT.

  - Sổ theo dõi thuế đầu vào, đầu ra.

  - Báo cáo thuế (Phần II, III - B02DN).

KẾ TOÁN THUẾ GTGT THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ (tt)

- **Nguyên tắc x/đ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.**

  - Được k.trừ toàn bộ thuế của HHDV mua vào dùng cho SXKD chịu thuế GTGT.

  - Được k.trừ theo tỉ lệ % của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD vừa chịu thuế vừa không chịu thuế GTGT (tỉ lệ % p/b theo DT chịu thuế trên tổng DT).

  - Không được k.trừ thuế của HHDV mua vào dùng cho SXKD không chịu thuế GTGT.

  - Chỉ được ktrừ thuế đầu vào tương ứng với đầu ra.

  - Chỉ được ktrừ thuế đầu vào đối với HĐ chứng từ hợp lý, hợp lệ, sd đúng mục đích, phù hợp về mặt thời gian.

  - Được khấu trừ đối với những HĐ, chứng từ đặc thù.

KẾ TOÁN THUẾ GTGT THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ (tt)

- **Tài khoản sử dụng:**

1. Tài khoản 133 - Thuế GTGT đươck khấu trừ: Để theo dõi thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kế toán sử dụng TK 133, nội dung ,kết cấu tài khoản này như sau.

Bên Nợ:

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh.

Bên Có:

- Thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ.
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.
- Thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại.
- Thuế GTGT hàng mua trả lại.

SD Bên Nợ: Thuế GTGT còn được KT, hoàn lại CK.

KẾ TOÁN THUẾ GTGT THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ (tt)

2. Tài khoản 33311 - Thuế GTGT đầu ra: Để theo dõi thuế GTGT đầu ra, kế toán sử dụng TK 3331, nội dung ,kết cấu tài khoản này như sau.

Bên Nợ:

- **Nộp thuế GTGT vào NNN.**
- **Được miễn giảm thuế.**
- **Thuế GTGT hàng bán bị trả lại**

Bên có:

- **Thuế GTGT đầu ra phát sinh**

SD Bên Có: Thuế GTGT còn phải nộp vào NSNN.

TK này có thể có Số dư Nợ

KẾ TOÁN THUẾ GTGT THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ (tt)

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đ.vào được k.trừ.**

***Yêu cầu:**

- Khi mua hàng phải có hóa đơn GTGT, ghi đúng quy định, sử, sử dụng đíng mục đích.

- Kê khai đúng thời gian quy định.

- Nếu hàng mua trả lại phải lập hóa đơn GTGT hoặc biên bản để làm căn cứ điều chỉnh thuế đầu vào được KT

- Lập các BK và các bảng giải trình, phân bổ thuế đầu vào nếu có sự nhần lẫn, dùng chung,..trước khi lập tờ khai thuế 01/GTGT

HẠCH TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ TRONG KỲ

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đ.vào được k.trừ.**

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán vật tư hàng hóa, TSCĐ,.. dùng vào SXKD chịu thuế GTGT.

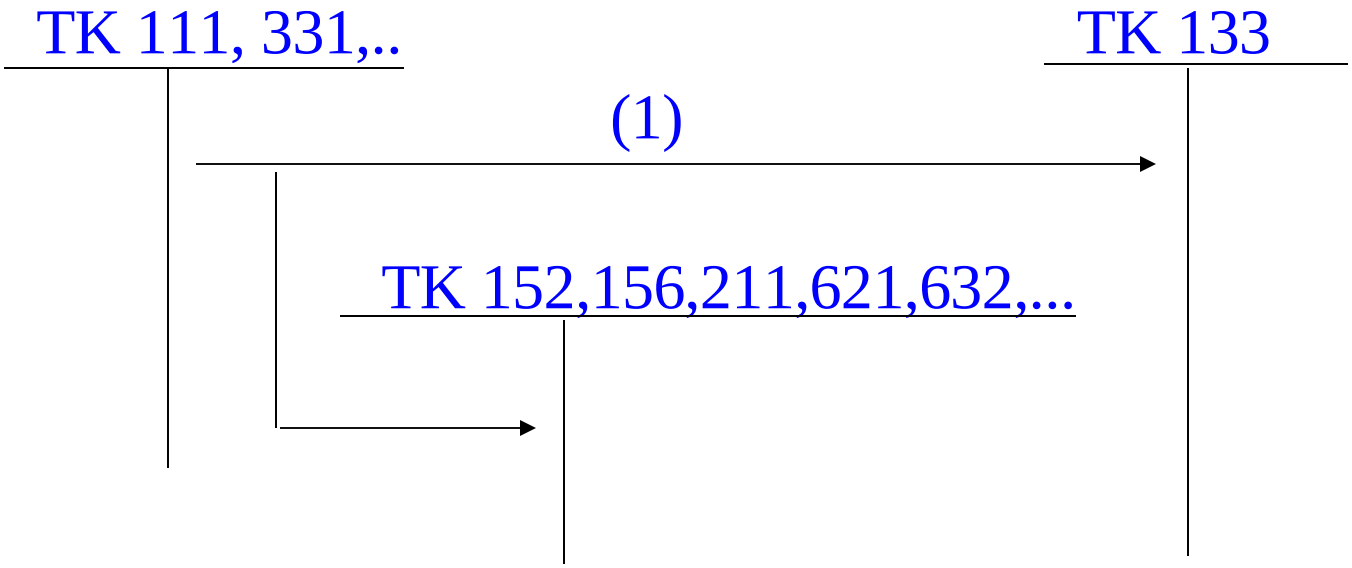

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đ.vào được k.trừ.**

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán TSCĐ mua vào dùng cho SXKD vừa chịu thuế vừa khôngchịu thuế GTGT.

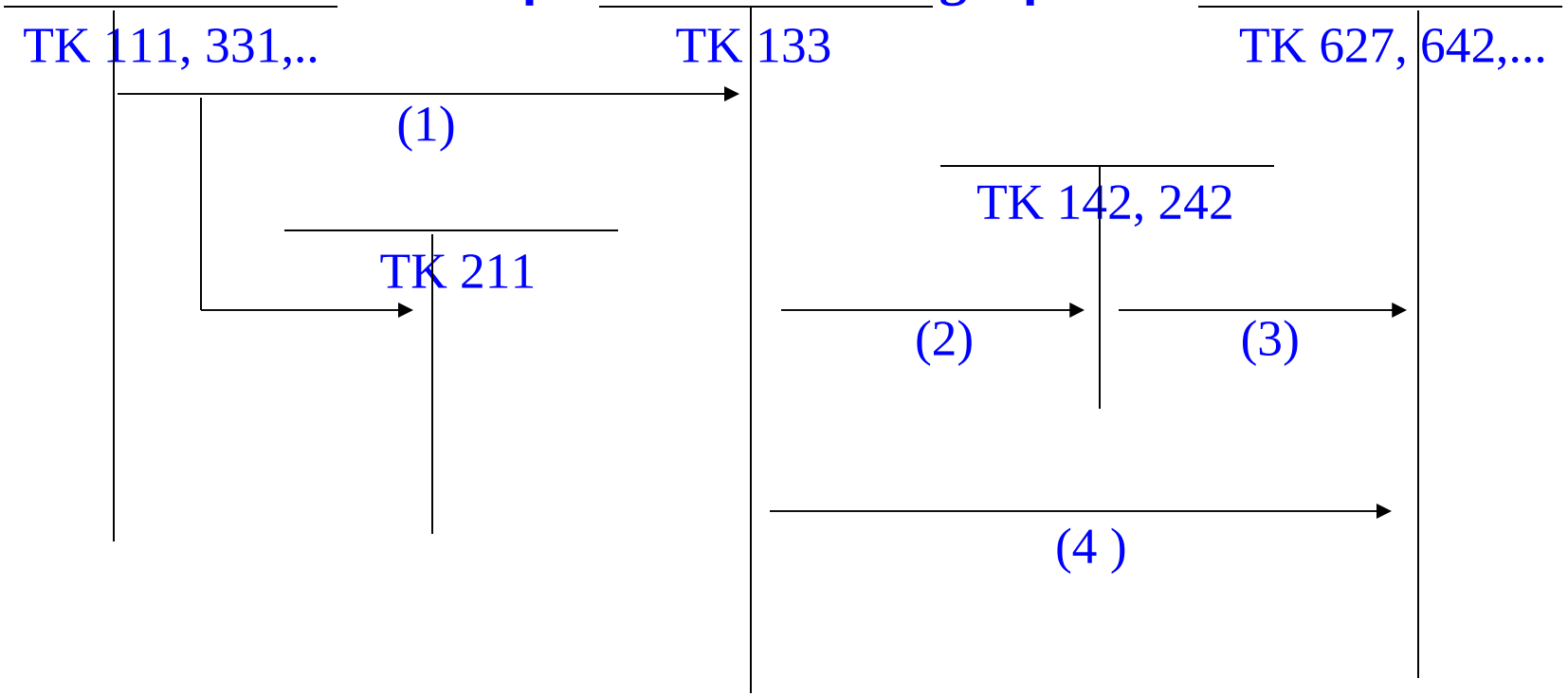

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đvào được k.trừ.**

Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán vật tư, HH mua vào dùng cho SXKD vừa chịu thuế vừa không chịu thuế GTGT.

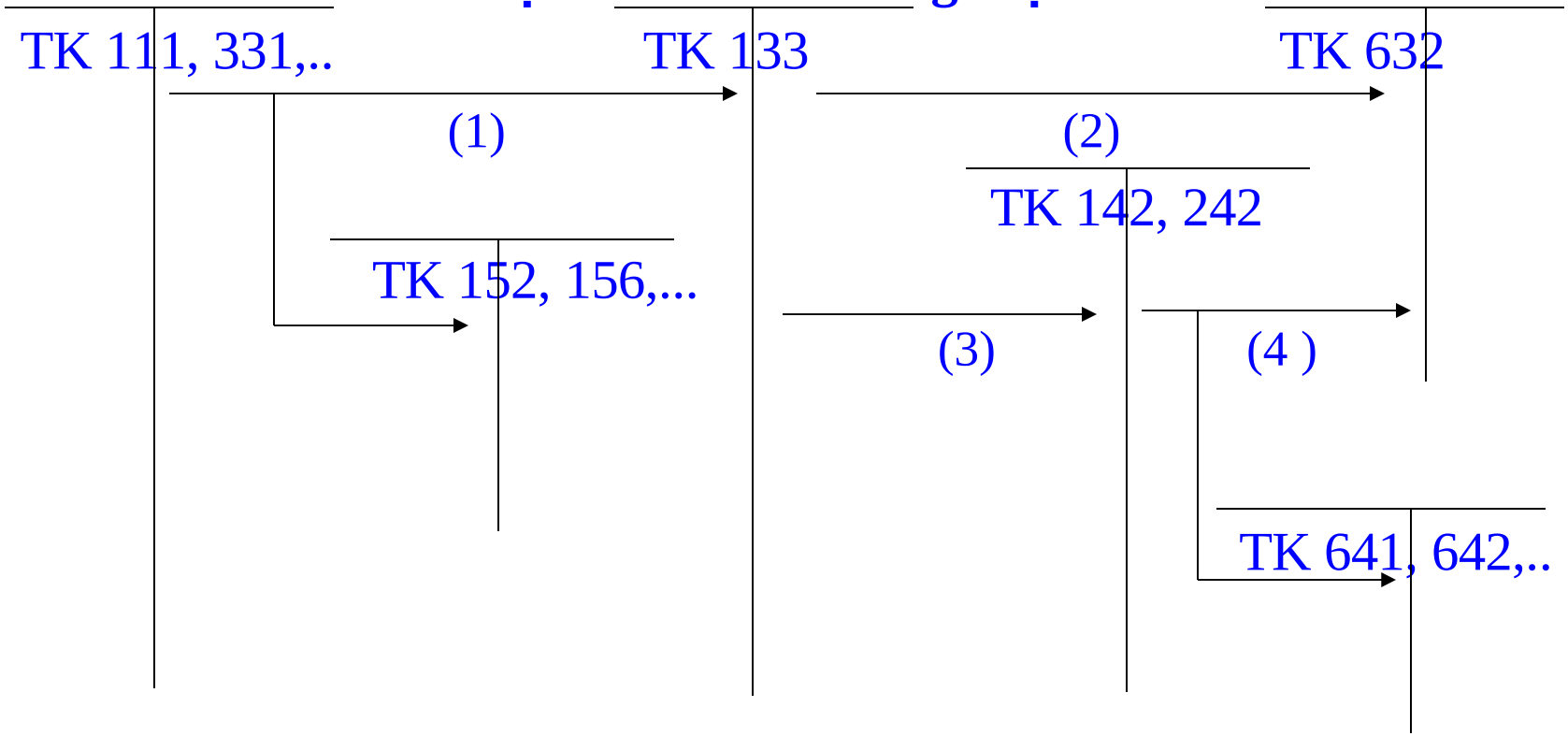

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đ.vào được k.trừ.**

- Khi bán hàng theo phương thức đổi hàng.

+ Khi xuất hàng đưa đi (sơ đồ 4).

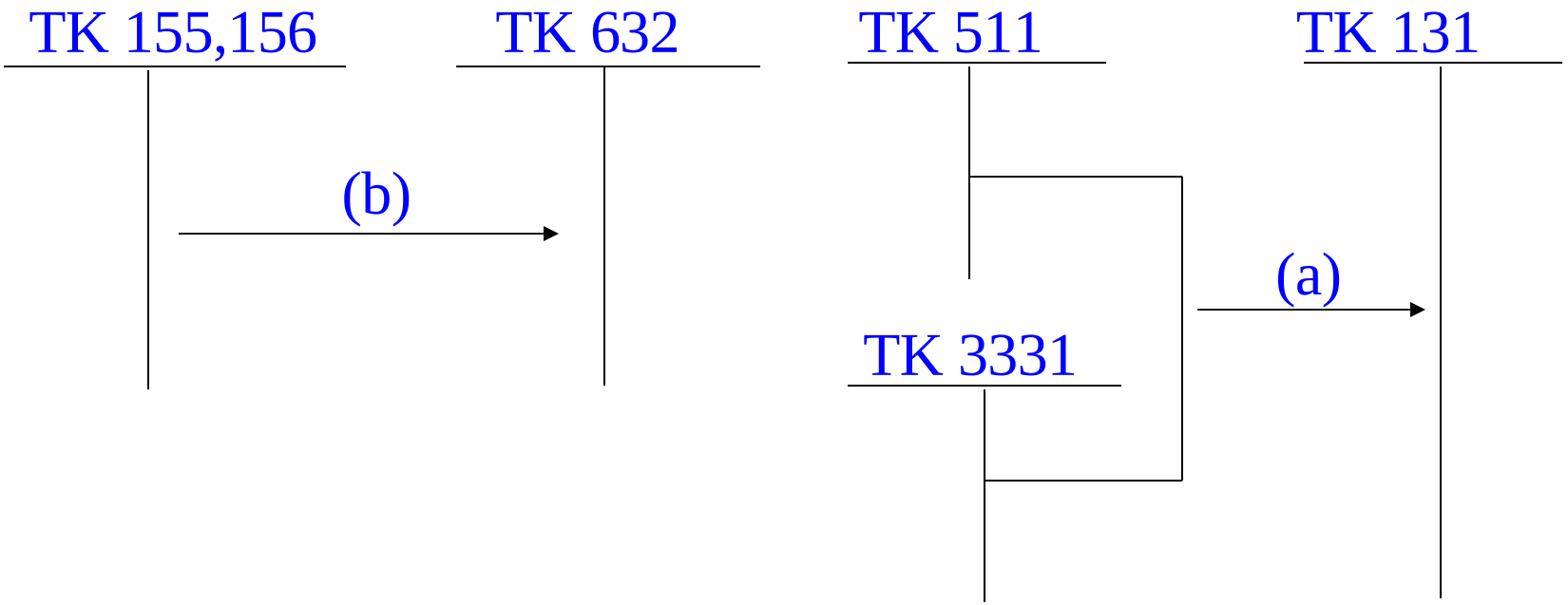

+ Khi nhận hàng về (sơ đồ 5).

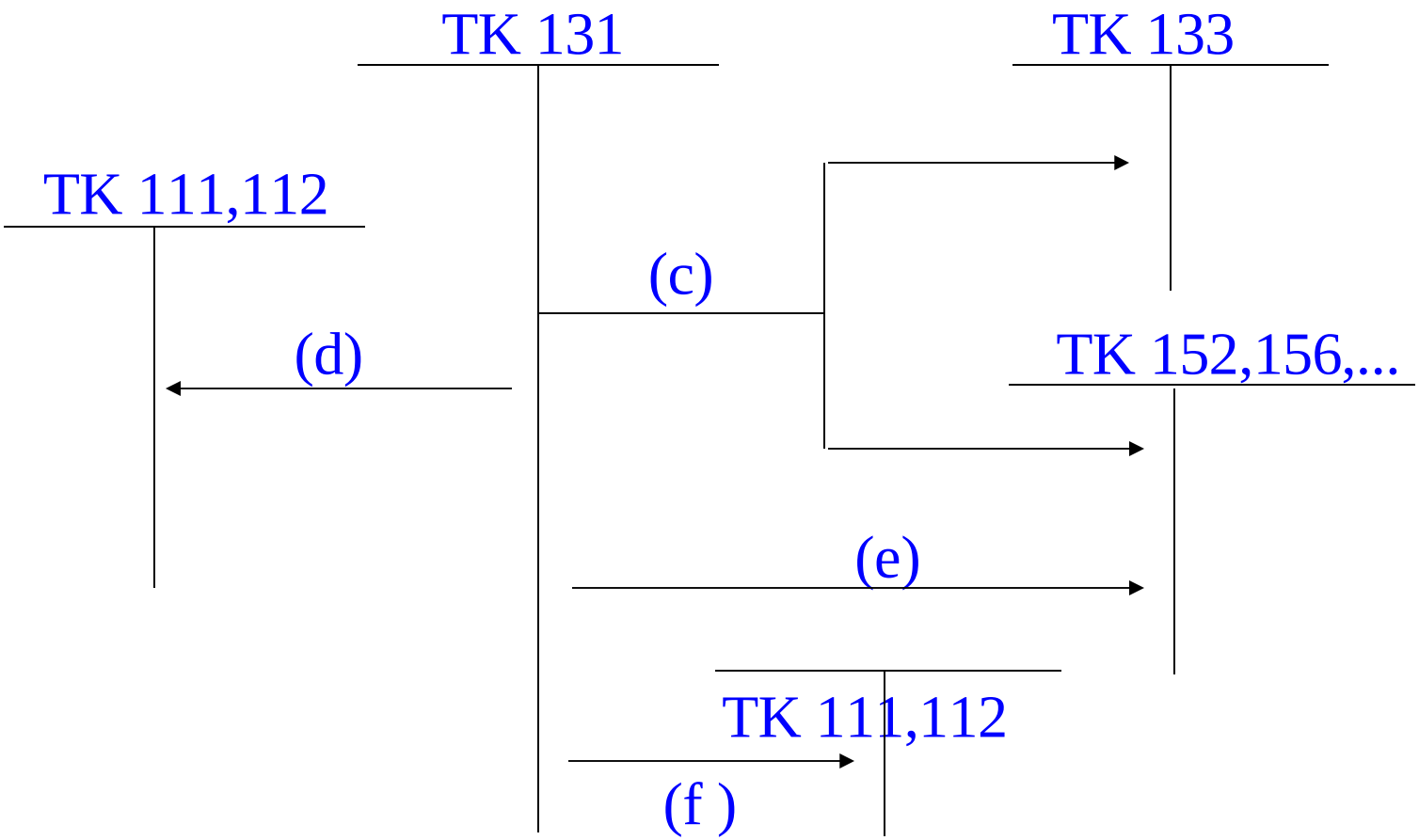

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đầu ra.**

Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán thuế GTGT đầu ra

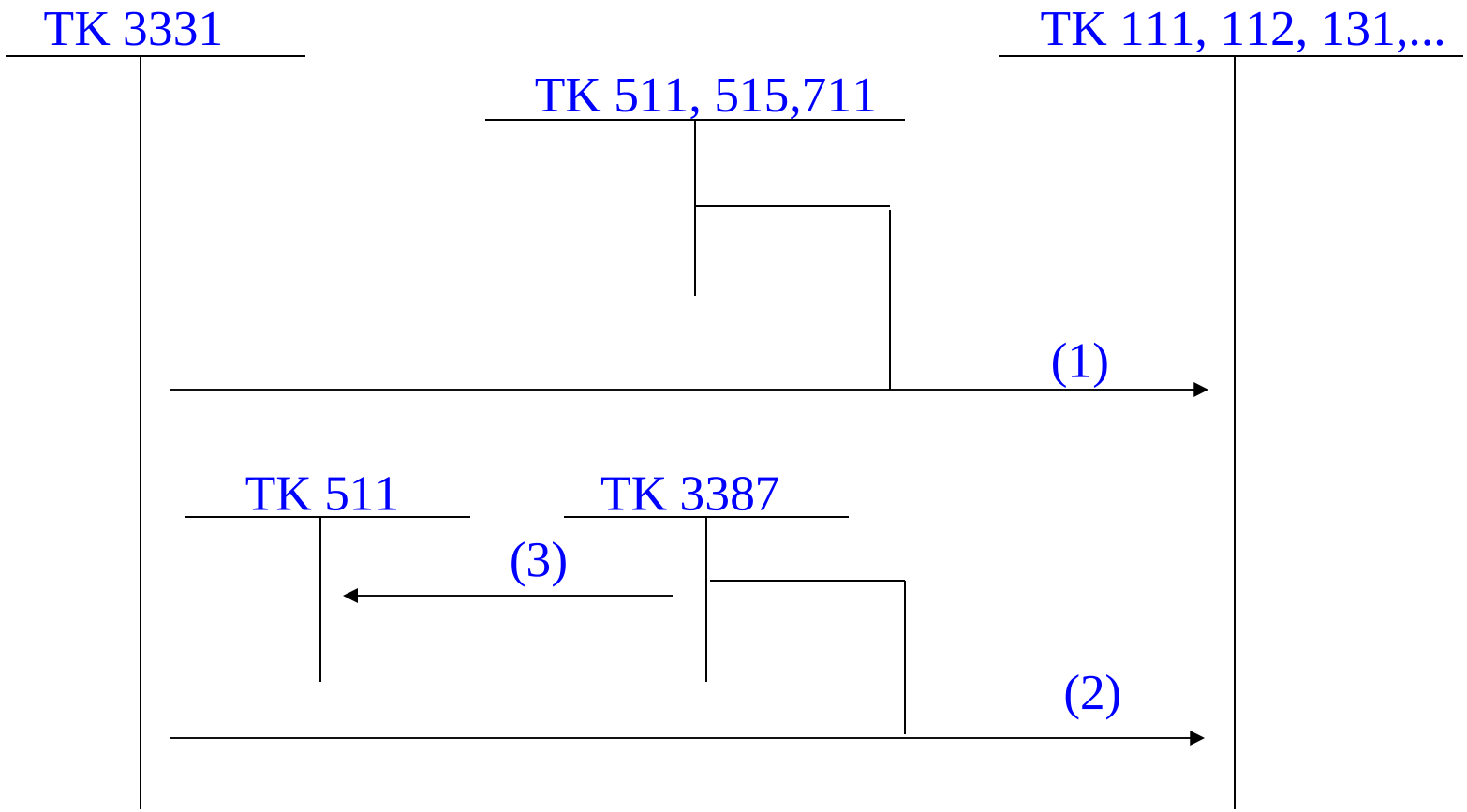

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đầu ra (tt).**

Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán thuế GTGT đầu ra.

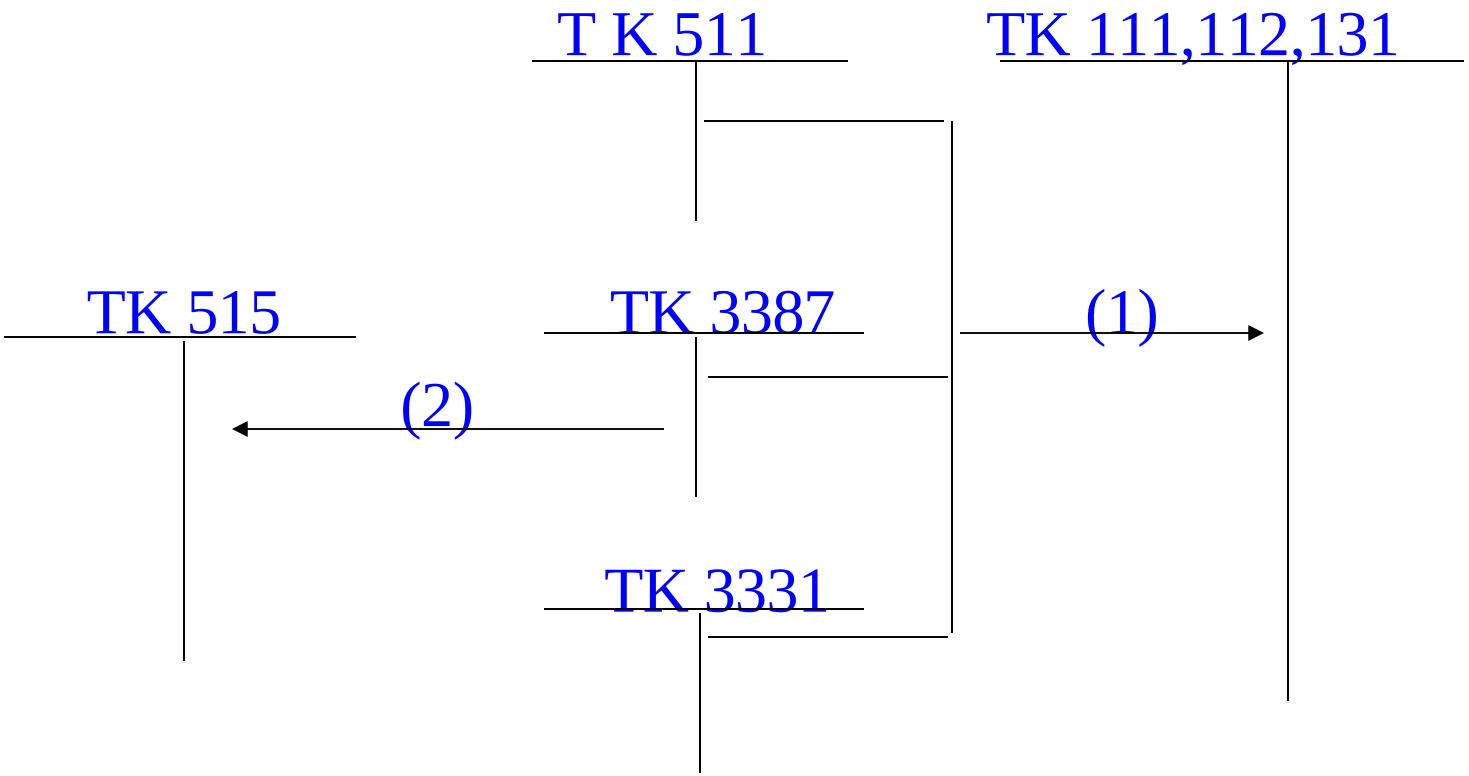

- **Phương pháp hạch toán thuế GTGT đầu ra (tt).**

Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán thuế GTGT đầu ra.

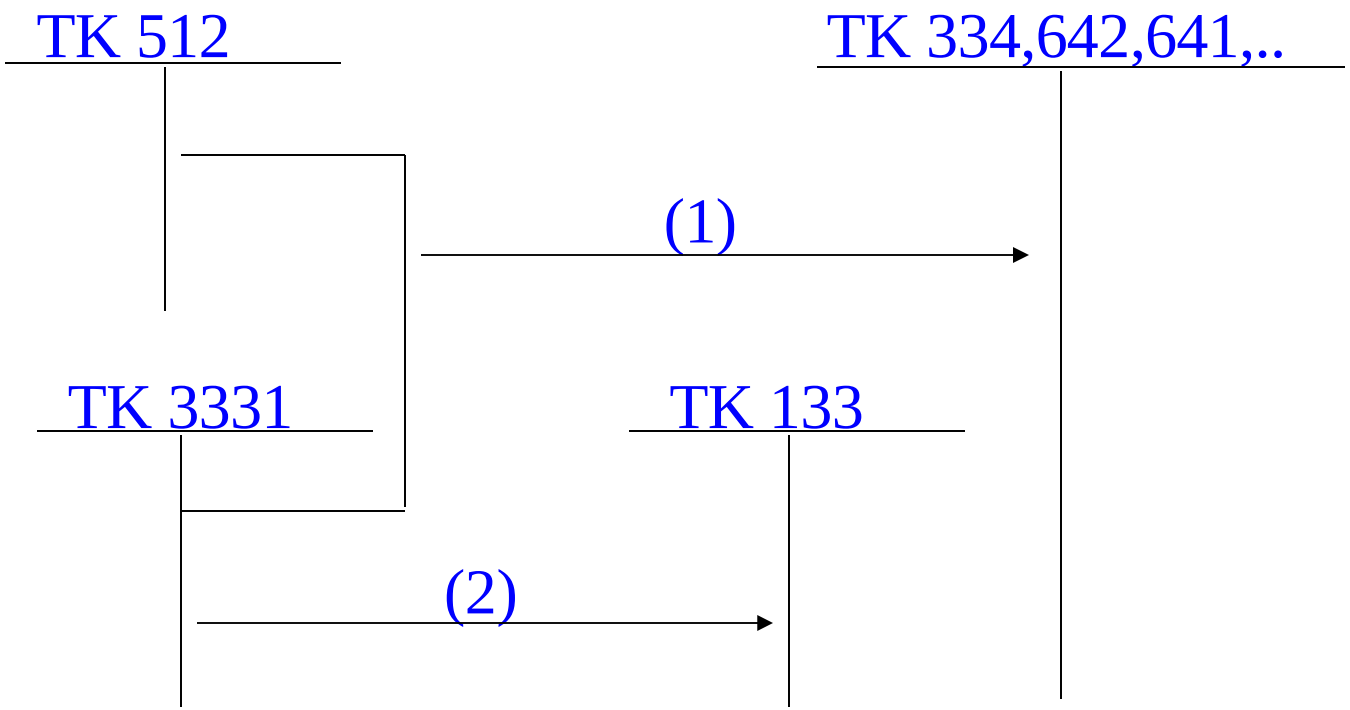

HẠCH TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ CUỐI KỲ

Sơ đồ 9: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thực hiện vào CK.

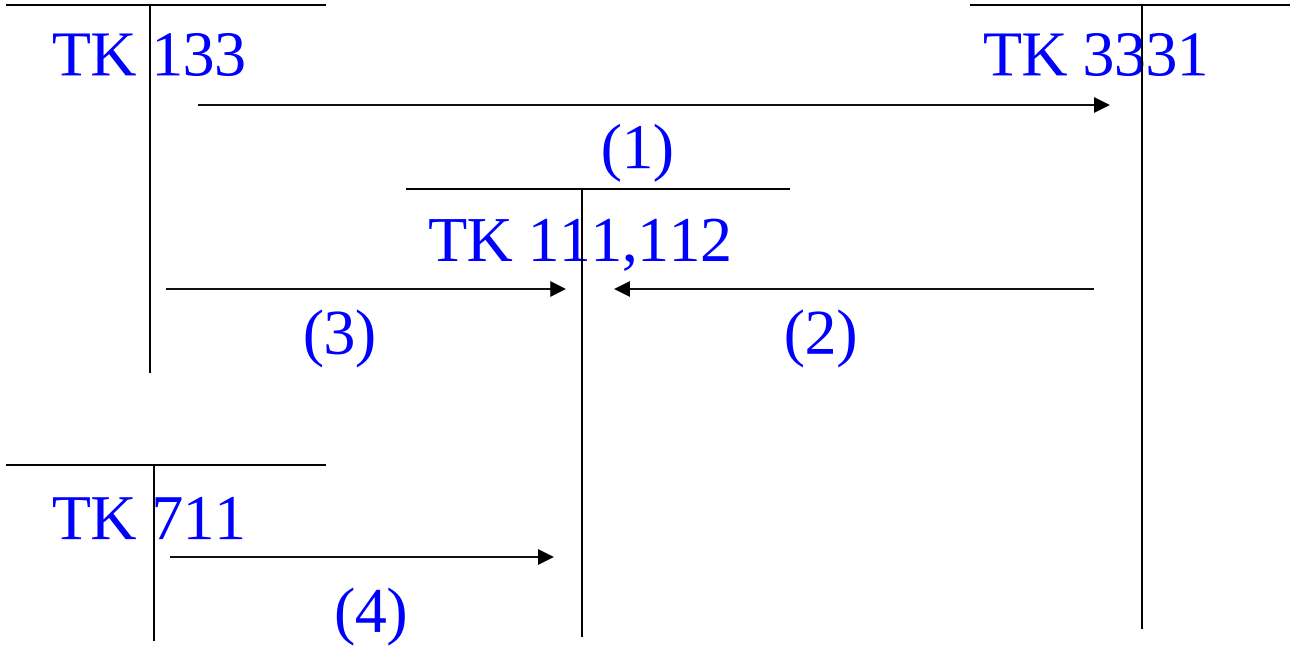

CHƯƠNG 2
KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

- **Hiểu được thuế xuất nhập khẩu là gì?.**
- **Mục đích ý nghĩa của việc ban hành thuế XNK.**
- **Tại sao nói thuế XNK là thuế gián thu?.**
- **Đối tượng nào chịu thuế và không chịu thuế XNK?.**
- **Căn cứ tính thuế XNK?.**
- **Phương pháp xác định thuế TTĐB phải nộp?**
- **Giá tính thuế XNK?.**
- **Phương pháp hạch toán thuế XNK tại DN?.**
- **Phương pháp hạch toán ủy thác NK, XK,....**

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK

- **Khái niệm về thuế TTĐB.**

  Thuế XNK là loại thuế gián thu đánh trên các mặt hàng được phép xuất nhập khẩu.

  Xuất khẩu có thể xuất trực tiếp ra nước ngoài, có thể xuất vào khu chế xuất trong lanh thể VN.

- **Mục đích ý nghĩa của việc bành thuế TTĐB.**

  - Là hàng rào thuế quan nhằm bảo hộ hàng trong nước, hạn chế xuất những khẩu những mặt hàng quý hiếm, thiết yếu.

  - Khuyến khích XK những mặt hàng thuộc thế mạnh tạo đ/k phát triển sản xuất HH trong nước.

  - Là nguồn thu quan trọng của NSNN.

  - Việc đánh thuế hàng NK nhằm tạo mặt bằng chung về giá.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Đối tượng nộp thuế:**

  Tất cả các tổ chức, cá nhân có hàng hoá được phép XNK. Nếu XNK khẩu uỷ thác thì tổ chức nhận uỷ thác là đối tượng nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

- **Đối tượng chịu thuế:**

  - Hàng hoá XNK được phép trao đổi mua bán, vay nợ của nước ngoài, hàng vượt tiêu chuẩn hành lý.

  - Hàng hoá XNK của các t/c KT nước ngoài, các hình thức đầu tư nước ngoài tại VN.

  - Hàng hoá thuộc hai lĩnh vực nêu trên được phép xuất vào khu chế xuất tại VN,

  - Hàng là quà biếu, quà tặng vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Những trường hợp không thuộc diện chịu thuế xuất nhập khẩu.**

  - Hàng vận chuyển quá cảnh, chuyển khẩu hoặc mượn đường qua biên giới Việt Nam.

  - Hàng đưa vào kho ngoại quan rồi chuyển đến nước khác, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam.

  - Hàng hoá từ nước ngoài NK vào khu chế xuất và HH từ khu chế xuất XK ra nước ngoài, HH từ khu chế xuất này đưa sang khu chế xuất khác trong lãnh thổ VN.

  - Hàng viện trợ nhân đạo.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Phương pháp xác định thuế XNK phải nộp.**

$$\text{Thuế XNK phải nộp} = \text{Số lượng từng mặt hàng Xuất hay Nhập khẩu} \times \text{Giá tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Số lượng từng mặt hàng XNK: Được căn cứ vào HĐ ngoại thương giữa hai bên.

- Giá tính thuế:

+ Đối với hàng hoá NK: Giá tính thuế là giá CIF (Cost insurance freight).

+ Đối với hàng hoá XK: Giá tính thuế là giá FOB (Free on board).

$$CIF = FOB + I + F$$

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Thuế suất.**

  - *Thuế suất thông thường:* Là thuế suất được áp dụng đối với hàng hoá NK có xuất xứ từ các nước có thoả thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ TM với VN. Thuế suất thông thường cao hơn 50% so với thuế suất ưu đãi.

  - *Thuế suất ưu đãi:* Là thuế suất chỉ áp dụng đối với những hàng hoá NK có xuất xứ từ nước có thoả thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ TM với Việt Nam.

  - *Thuế suất ưu đãi đặc biệt:* Là thuế suất được áp dụng cho những hàng hoá NK có xuất xứ từ các nước có thoả thuận ưu đãi đặc biệt về thuế NK.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Các trường hợp miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu.**

  - Hàng viện trợ không hoàn lại.

  - Hàng là quà biếu, quà tặng.

  - Hàng là tài sản di chuyển.

  - Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập.

  - Hàng hoá trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

  - Hàng hoá XK, NK được hưởng quyền ưu đãi thuế mà VN đã ký kết.

  - Hàng hoá là NL - NK để g/c cho nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết.

  - Hàng là MM, thiết bị, phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất để phục vụ cho thi công công trình.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Các trường hợp hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu.**

  - Hàng NK đã nộp thuế mà còn lưu kho HQ được phép tái xuất.

  - Hàng XK đã nộp thuế XK nhưng không xuất khẩu nữa.

  - Hàng đã nộp thuế XK, NK nhưng thực tế XK, NK ít hơn so với khai báo.

  - Hàng NK nhưng vì lý do chất lượng, quy cách, buộc phải trả lại.

  - Hàng là vật tư, nguyên liệu XK để sản xuất hàng XK.

  - Hàng tạm nhập khẩu để tái xuất, tạm xuất tái nhập.

  - Hàng hoá đã xuất khẩu nhưng vì lý do nào đó buộc phải nhập khẩu trở lại Việt Nam.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Kê khai tính thuế.**

  - *Đối với hàng nhập khẩu:* Các tổ chức, cá nhân mỗi lần có hàng hoá NK, phải tự mở Tờ khai thuế, tự tính thuế và tự nộp thuế XNK tại cơ quan HQ

  - *Đối với hàng xuất khẩu:* Kê khai kiểm hoá HH và nộp thuế tại cơ quan HQ địa phương.

  - Đối với hàng XK, NK tiểu ngạch và hàng NK phi mậu dịch: Chủ hàng phải kê khai nộp thuế với Hải quan cửa khẩu nơi hàng hoá xuất, nhập khẩu.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ XNK (tt)

- **Thời hạn nộp thuế.**

- Đối với hàng hoá nhập khẩu chính ngạch.

+ Đối với vật tư, nguyên liệu NK để SX hàng XK được nộp thuế trong thời gian 9 tháng, kể từ ngày kê khai HQ.

+ Đối với hàng tạm xuất, tái nhập, tạm nhập tái xuất là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm xuất - tái nhập hoặc tạm nhập tái xuất.

+ Hàng là MM, thiết bị,.. NK để phục vụ cho SX là 30 ngày kể từ ngày kê khai HQ

- Đối với hàng hàng XK, NK phi mậu dịch và tiểu ngạch biên giới: **Nộp thuế ngay khi XK hàng ra nước ngoài hoặc NK hàng vào VN**

KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

- **Chứng từ sử dụng.**

  - Hợp đồng Ngoại thương.

  - Tờ khai HH nhập khẩu, xuất khẩu

  - Tờ khai trị giá tính thuế HH nhập khẩu, xuất khẩu

  - Tờ khai hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch.

  - Phụ lục tờ khai trị giá tính thuế hàng hoá NK, XK.

  - Hoá đơn GTGT, biên lai nộp thuế NK, XK vận đơn,..

  - Sổ theo dõi thuế NK.

  - Báo cáo thuế XNK (Phần I & II - B02DN)

  .....

KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU (tt)

- **Tài khoản sử dụng.**

Để hạch toán thuế xuất khẩu, nhập khẩu kế toán sử dụng Tài khoản 3333 - Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

Bên Nợ:

- Số thuế xuất khẩu, nhập khẩu đã nộp vào NSNN

- Số thuế XNK được hoàn lại, được miễn, giảm

Bên Có:

- Số thuế XNK phải nộp vào NSNN

Số dư Bên Có:

- Số thuế XNK còn phải nộp vào NSNN

Số dư Bên Nợ:

- Số thuế XNK đã nộp thừa vào NSNN

KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU (tt)

- **Phương pháp hạch toán thuế nhập khẩu.**

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán vật tư, hàng hóa,TSCĐ nhập khẩu.

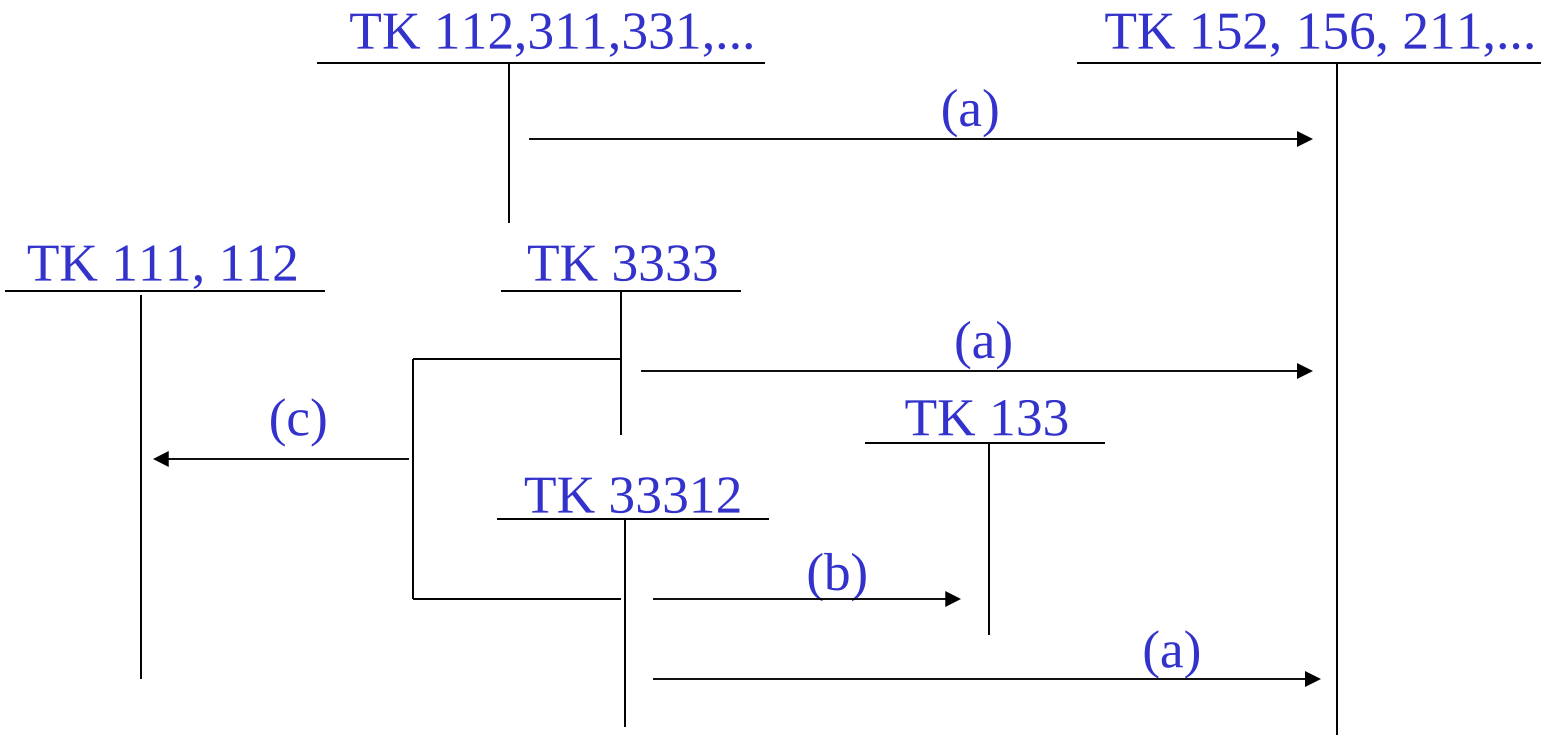

KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU (tt)

- **Phương pháp hạch toán thuế nhập khẩu.**

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán nhập khẩu được hoàn lại.

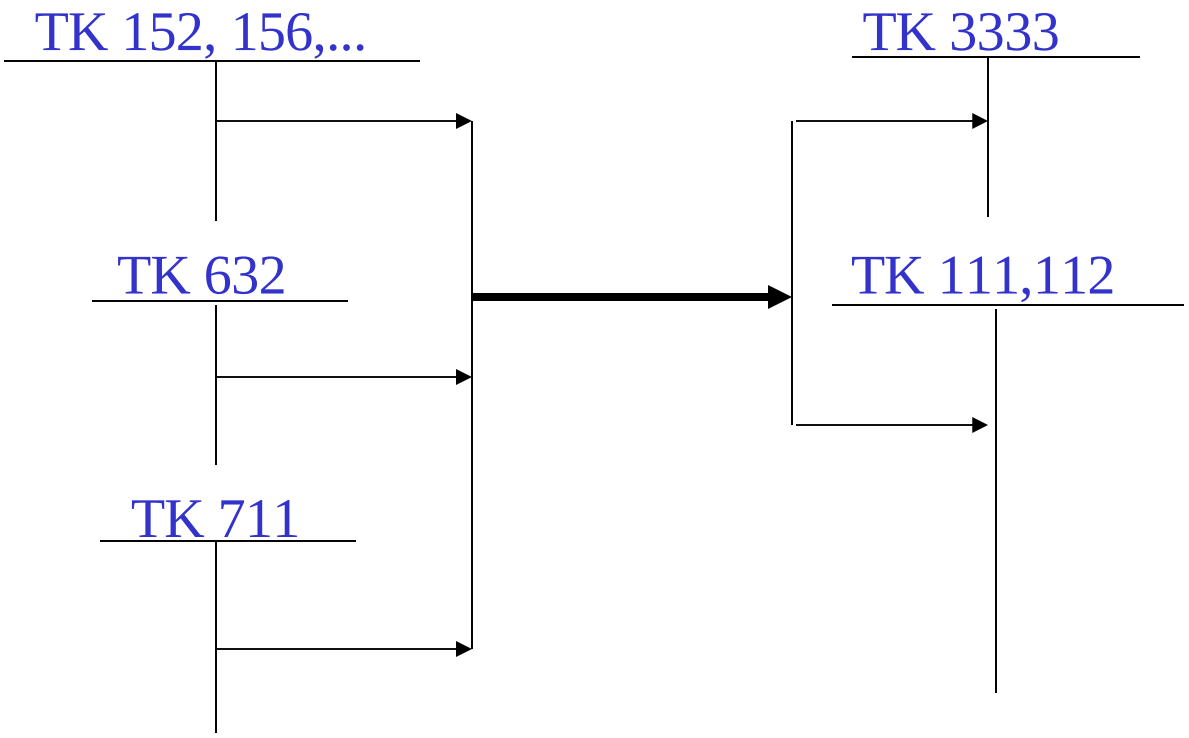

KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU (tt)

Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán thuế xuất khẩu

- **Phương pháp hạch toán thuế xuất khẩu.**

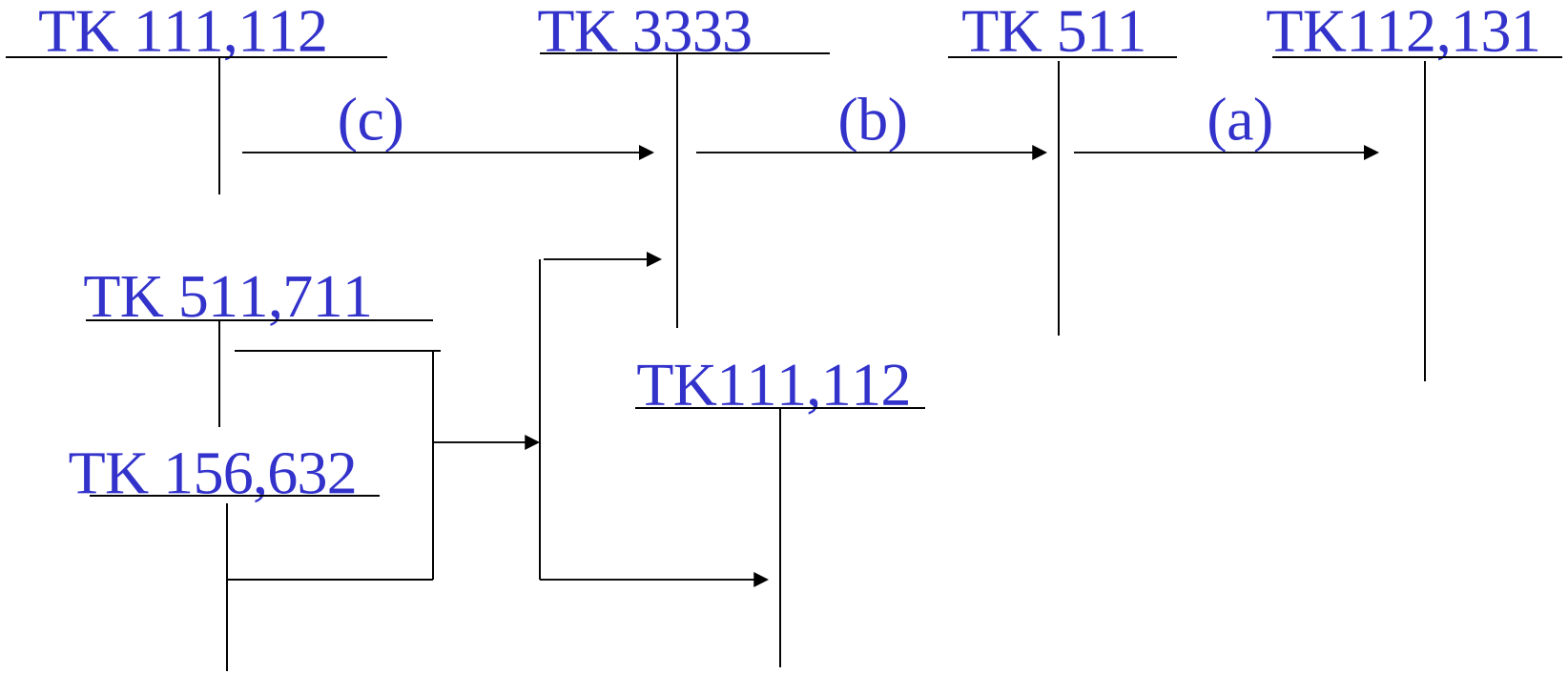

CHƯƠNG 3

KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

- **Hiểu được thuế TTĐB là gì?.**
- **Mục đích ý nghĩa của việc ban hành thuế TTĐB.**
- **Tại sao nói thuế TTĐB là thuế gián thu?.**
- **Đối tượng nào chịu thuế và không chịu thuế TTĐB?.**
- **Kê khai nộp thuế, quyết toán thuế TTĐB?.**
- **Căn cứ tính thuế TTĐB?.**
- **Phương pháp xác định thuế TTĐB phải nộp?**
- **Cách lập Tờ khai thuế TTĐB và các BK, bảng giải trình liên quan,....**
- **Phương pháp hạch toán thuế TTĐB tại DN?.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB số 08/2003/QH11 ngày 17/ 06/ 2003.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB ngày 29/11/2005.
3. Nghị định số 149/2003/NĐ-TTg ngày 04/12/2003.
4. Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 .
5. Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 18/08/2004
6. Thông tư số 18/2005/TT-BTC ngày 08/03/2005 .
6. Thông tư số 115/2005/TT-BTC ngày 16/12/2005.
7. Ngô Thế Chi, Nguyễn Văn Hiệu, 2004. Hướng dẫn thực hành Thuế và Kế toán thuế. NXB Tài chính.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TTĐB

- **Khái niệm về thuế TTĐB.**
- **Mục đích ý nghĩa của việc bành thuế TTĐB.**
- **Đối tượng chịu thuế TTĐB: Bao gồm**

Thuốc lá điếu, xì gà, rượu, bia, ôtô dưới 24 chỗ ngồi, xăng các loại, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác pha chế xăng, máy điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống, bài lá, vàng mã, hàng mã, KD vũ trường, massage, ka ra - ô kê, KD casinô, trò chơi bằng máy jackpot, KD giải trí có đặt cược, đua xe, KD gôn (golf), bán thẻ hội viên, vé chơi golf, KD xổ số.

Lưu ý: Tất cả các mặt HHDV trên đây đều phải chịu thêm thuế GTGT 10%.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TTĐB(tt)

- **Đối tượng nộp thuế TTĐB.**

  Bao gồm các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có sản xuất, nhập khẩu HHDV thuộc diện chịu thuế TTĐB trên đây.

- **Các trường hợp HH không phải chịu thuế TTĐB.**

  - Hàng hoá do CSSX trực tiếp xuất khẩu hoặc g/c xuất khẩu.

  - Hàng hoá do các cơ sở sản xuất ra được phép bán cho các cửa hàng được miễn thuế.

  - Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại,..

  - Đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TTĐB (tt)

- Hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu.
- Hàng hoá chuyển khẩu, quá cảnh, mượn đường qua biên giới Việt Nam.
- Hàng tạm nhập tái xuất khẩu, tạm xuất tái nhập.
- Hàng hoá nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm.
- Hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào khu chế xuất, DN chế xuất.
- Hàng hoá nhập khẩu để bán tại các cửa hàng KD hàng miễn thuế.
- Hàng là vật tư, nguyên liệu NK để sản xuất hàng XK.

CĂN CỨ TÍNH THUẾ TTĐB

Căn cứ tính thuế TTĐB là giá tính thuế và thuế suất.

- **Giá tính thuế TTĐB.**

- Đối với HH SX trong nước: Giá tính thuế TTĐB là giá chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB.

- Trường hợp CSSX hàng hoá chịu thuế TTĐB bán hàng qua các chi nhánh, cửa hàng thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là do các chi nhánh, cửa hàng, cơ sở phụ thuộc bán ra chưa có thuế GTGT.

- Đối với rượu SX đóng chai, bia chai, bia lon bán theo giá có cả vỏ chai, vỏ lon: Giá tính thuế TTĐB là bán ra chưa có thuế GTGT trừ đi giá trị vỏ lon, vỏ chai.

CĂN CỨ TÍNH THUẾ TTĐB (tt)

Trong đó:

+ Giá trị vỏ chai là chưa có thuế GTGT hoặc giá thành sản xuất nếu cơ sở tự sản xuất.

+ Giá trị vỏ hộp (vỏ lon) được x/đ theo mức 3.800đ/lít bia hộp.

Ví dụ : Đối với bia chai bán cả vỏ chai (không thu đổi vỏ chai): Giá bán 1lít bia chai Sài Gòn 330ml là 20.000đ, giá trị vỏ chai cho 1 lít bia chưa có thuế GTGT là 4.000đ, thuế suất thuế TTĐB của bia chai là 75%.

Ví dụ : Đối với bia hộp (bia lon): Giá bán 1 lít bia hộp Sài Gòn chưa có thuế GTGT là 16.000đ, giá trị vỏ hộp cho một 1 lít bia được trừ là 3.800đ, thuế suất thuế TTĐB của bia hộp là 75%

CĂN CỨ TÍNH THUẾ TTĐB (tt)

- Đối với bia chai bán theo phương thức thu đổi vỏ chai thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT.

Ví dụ : Giá bán theo phương thức thu đổi vỏ chai của một két bia Hà Nội chưa có thuế GTGT là 120.000đ/két.

- Đối với HH chịu thuế TTĐB được tiêu thụ qua các CSKD - TM thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT của CSSX nhưng không được thấp hơn 10% so với giá bán bình quân do cơ sở TM bán ra.

- Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất thấp hơn 10% so với giá CSKD - TM bán ra thì giá tính thuế TTĐB là giá do cơ quan thuế ấn định.

CĂN CỨ TÍNH THUẾ TTĐB (tt)

- Đối với HH nhập khẩu:

Giá tính thuế TTĐB = Giá NK + Thuế NK.

- Đối với HH gia công: Giá tính thuế TTĐB là giá bán của cơ sở đưa đi gia công.

- Đối với HH bán theo phương thức trả góp: Giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT của HH đó bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm lãi trả góp.

- Đối với dịch vụ: Giá tính thuế TTĐB là giá cung ứng dịch vụ của CSKD chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT.

CĂN CỨ TÍNH THUẾ TTĐB (tt)

- **Thuế suất thuế TTĐB.**

Thuế suất thuế TTĐB được áp dụng trong năm 2006 bao gồm các mức thuế suất từ 10% đến 50% được áp dụng cho 8 loại hàng hóa và 5 loại dịch vụ như thuế suất của bia chai 75%, bia hơi 30%, kinh doanh vũ trường 30%,.... (Tham khảo tại Thông tư 115/2005-BTC).

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ TTĐB

- Cơ sở sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB, khi xác định số thuế TTĐB phải nộp áp dụng công thức sau.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

- Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB đã nộp thuế TTĐB của nguyên liệu mua vào để SX ra hàng chịu thuế TTĐB.

$$\text{Số thuế TTĐB phải nộp} = \text{Số thuế TTĐB phải nộp của hàng tiêu thụ trong kỳ} - \text{Số thuế TTĐB đã nộp của NVL mua vào tương ứng}$$

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN, HOÀN THUẾ TTĐB

- **Đăng ký thuế.**

  Cơ sở sản xuất HHDV chịu thuế TTĐB phải đăng ký nộp thuế với CQ thuế chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD.

- **Kê khai nộp thuế.**

  - Cơ sở kinh doanh thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế có số thuế TTĐB mỗi tháng một lần. Nếu CSKD có số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ lớn có thể thực hiện việc kê khai TTĐB theo định kỳ 5 ngày, 10 ngày một lần.

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN, HOÀN THUẾ TTĐB (tt)

- Cơ sở KD tự kê khai (mẫu 01A/TTĐB) và gửi các BK 02A/TTĐB; 02B/TTĐB, 01C/TTĐB, 04/TTĐB (nếu có) cho CQ thuế và tự nộp thuế vào NSNN.
- Thời gian lập và gửi tờ khai chậm nhất không quá ngày mồng 10 đầu tháng tiếp theo và nộp thuế TTĐB vào NSNN chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo.
- Cơ sở NK - HH phải KK và nộp tờ khai thuế TTĐB theo từng lần NK cùng với việc KK thuế NK
- Cơ sở SXKD nhiều loại HHDV có thuế suất khác nhau thì phải kê khai thuế TTĐB theo từng mức thuế suất tương ứng với từng loại HHDV.

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN, HOÀN THUẾ TTĐB (tt)

- **Quyết toán thuế TTĐB.**

  - Cơ sở sản xuất HHDV chịu thuế TTĐB phải thực hiện việc quyết toán thuế TTĐB hàng năm với CQ. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm cơ sở phải nộp báo BCQT thuế cho CQT và phải nộp đầy đủ số thuế còn thiếu vào NSNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp BCQT. Nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo.

  - Trong trường hợp sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, thay đổi ngành nghề KD, phải thực hiện quyết toán thuế với CQT trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày ngày có quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản,... và phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào NSNN trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nộp BCQT.

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN, HOÀN THUẾ TTĐB (tt)

- **Hoàn thuế TTĐB.**

  Cơ sở sản xuất, nhập khẩu HH chịu thuế TTĐB được hoàn thuế TTĐB đã nộp trong các trường hợp sau.

  - Hàng hoá tạm nhập tái xuất.

  - Hàng thực nhập ít hơn khai báo hải quan.

  - Hàng NK nhưng phải trả lại vì lý do chất lượng, mẫu mã, chủng loại,...

  - Hàng nhập khẩu để dự hội chợ triển lãm,..

  - Hàng hoá là NL nhập khẩu để SX hàng g/c xuất khẩu

  - Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản có số thuế TTĐB nộp thừa.

LẬP TỜ KHAI THUÊ TTĐB: 01A/TTĐB

- **Nguyên tắc lập tờ khai.**

- Phải ghi rõ kỳ kê khai là ngày tháng năm nào.

- Các chỉ tiêu từ mã số [02] đến mã số [09] phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của CSKD theo đăng ký thuế với cơ quan thuế như.

+ *Mã số thuế:*

+ *Tên cơ sở kinh doanh:*

+ *Địa chỉ trụ sở:*

+ *Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E - mail* (nếu có).

- *Các số liệu kê khai:* Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng VN.

LẬP TỜ KHAI THUẾ TTĐB: 01A/TTĐB

- **Tờ khai hợp lệ.**

  Tờ khai gửi đến cơ quan thuế được coi là hợp lệ khi:

  - Tờ khai được lập đúng mẫu quy định.

  - Có ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại của cơ sở kinh doanh theo các thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế.

  - Được người đại diện theo pháp luật của CSKD ký tên và đóng dấu vào cuối của tờ khai có kèm theo các bảng giải trình theo chế độ quy định.

  - Số liệu ghi trên Tờ khai là trung thực và chính xác.

LẬP TỜ KHAI THUẾ TTĐB: 01A/TTĐB

- **Lập các chỉ tiêu trên Tờ khai mẫu số: 01A/GTGT.**

- Nếu trong tháng không phát sinh thuế TTĐB trong kỳ:

Cơ sở kinh doanh đánh dấu "X" vào ô mã số [10].

- Tên loại hàng hóa (Cột 2).

+ Đối với những loại HH chịu thuế TTĐB tiêu thụ trong nước thì kê khai vào mục I, Phần B: "Hàng hóa bán trong nước chịu thuế TTĐB".

+ Đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB thì ghi tên dịch vụ kinh doanh vào mục II, Phần B: "Dịch vụ chịu thuế TTĐB".

+ Đối với HHXK, HH bán để XK và HH gia công để XK thì ghi tên loại HH đó vào mục III, Phần B: "Hàng hóa thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB".

LẬP TỜ KHAI THUẾ TTĐB: 01A/TTĐB

- Đơn vị tính (Cột 3): Ghi theo đơn vị tính của từng loại HHDV phù hợp.

- Sản lượng tiêu thụ (Cột 4).

+ Đối với hàng hóa: Số liệu ghi vào cột này là tổng số lượng thực tế của từng loại HH tiêu thụ trong kỳ .

+ Đối với dịch vụ: Nếu xác định được tổng lượng dịch vụ đã cung ứng trong kỳ thì ghi vào chỉ tiêu này, nếu không xác định được tổng lượng dịch vụ đã cung ứng thì không ghi vào cột này.

LẬP TỜ KHAI THUẾ TTĐB: 01A/TTĐB

- Doanh số bán chưa có thuế GTGT (Cột 5).

+ Đối với HHDV tiêu thụ trong nước: Căn cứ vào số liệu trên cột (2) của Bảng kê :02A/TTĐB

+ Đối với hàng hóa XK, bán để XK, hàng gia công XK: Căn cứ số liệu trên cột Doanh số bán chưa có thuế GTGT trên Bảng kê 02B/TTĐB

- Giá tính thuế TTĐB (Cột 6).

Chỉ tiêu này được tính bằng cách lấy số liệu cột Doanh số bán chưa có thuế GTGT trên BK 02A/TTĐB chia cho (1+ thuế suất thuế TTĐB).

Lưu ý: Giá bán chưa có thuế GTGT của HHDV chịu thuế TTĐB là giá đã có thuế TTĐB.

LẬP TỜ KHAI THUẾ TTĐB: 01A/TTĐB

- **Thuế suất thuế TTĐB (Cột 7). Ghi theo thuế suất tương ứng của từng loại HHDV theo TS hiện hành.**
- **Số thuế TTĐB được khấu trừ (Cột 8). Là số thuế TTĐB mà CSKD đã nộp của NL mua vào để SX ra hàng chịu thuế TTĐB đã được tiêu thụ.**
- **Số thuế TTĐB điều chỉnh của các kỳ trước (Cột 9).**
  - **+ Nếu điều chỉnh giảm thì ghi với dấu âm (-)**
  - **+ Nếu điều chỉnh tăng thì ghi với dấu dương (+)**

Trường hợp số thuế TTĐB điều chỉnh CSKD phải lập bản giải trình thuế TTĐB theo mẫu số 01C/TTĐB.

LẬP TỜ KHAI THUẾ TTĐB: 01A/TTĐB

- Xác định nghĩa vụ kê khai nộp thuế (cột 10).

Sau khi đã kê khai đầy đủ các số liệu vào các cột, từ cột (2) đến cột (9) của Tờ khai thuế TTĐB, mẫu 01A/TTĐB để xác định số thuế TTĐB phải nộp của từng loại HHDV chịu thuế TTĐB phát sinh trong kỳ để ghi vào cột số (10) tương ứng với từng loại HHDV theo công thức:

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất (\%)} - \text{Thuế TTĐB được KT} + \text{Điều chỉnh thuế TTĐB}$$

KÊ KHAI THUẾ TTĐB ĐƯỢC KHẤU TRỪ

- Trong tháng 03/2006, DN nhập khẩu 8.000 lít rượu nguyên liệu, thuế TTĐB đã nộp khi NK là 100trđ.

- Trong tháng 4/2006 doanh nghiệp đã xuất 6.000 lít rượu nguyên liệu sản xuất được 12.000 chai rượu thuốc và đã tiêu thụ trong nước 9.000 chai, với giá bán 379.500.000đ, thuế TTĐB 15%, thuế GTGT 10%.

Yêu cầu: Tính số thuế GTGT, thuế TTĐB phải nộp (sau khi được khấu trừ thuế TTĐB đã nộp ở khâu mua vào).

KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ TTĐB CỦA CÁC KỲ TRƯỚC

Trong tháng 04/2006, công ty A tiêu thụ trong nước 200.000 lít bia chai với doanh thu chưa có thuế GTGT là 3.000.000.000đ, thuế TTĐB 75%, công ty A đã kê khai nộp thuế TTĐB. Đến tháng 05/2006 công ty bị khách hàng trả lại 4.000 lít bia chai do hàng kém chất lượng, công ty đã đồng ý và nhận lại số hàng trên.

Như vây, công ty phải điều chỉnh số thuế TTĐB đã nộp trước đây cho tháng 05.2006 như sau.

Bảng giải trình điều chỉnh thuế TTĐB: Mẫu số 01C/TTĐB

ĐVT: 1.000đ

Chỉ tiêu điều chỉnh	Kỳ kê khai điều chỉnh	Số liệu đã kê khai	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
I. Bia chai	04/2006				
1. Đơn vị tính	Lít				
2. Sản lượng tiêu thụ	04/2006	200.000	196.000	- 4.000	Hàng bị trả lại
3. DS chưa có thuế GTGT	04/2006	3.000.000	2.940.000	- 60.000	
4. Giá tính thuế TTĐB	04/2006	1.714.285	1.680.000	- 34.285	
7. Thuế TTB phải nộp	04/2006	1.285.713,7	1.260.000	- 25.713,7	

KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ TTĐB CỦA CÁC KỲ TRƯỚC

Trong tháng 03/2006, DN A có các NVKTPS như sau.

- Tiêu thụ 1 triệu lít bia hơi với tổng giá thanh toán là 4,290 tỉ đồng, thuế.

- Tiêu thụ 300.000 lít bia chai, với DS chưa thuế GTGT là 3,5 tỉ đồng, Trong tháng, DN A bi khách hàng trả lại 5.000 lít bia chai vì hàng kém chất lượng đã bán trong tháng 02/2006.

- Xuất bán 6.000 lít rượu thuốc với giá chưa thuế GTGT là 575 trđ.

- Số thuế TTĐB đã nộp của rượu NL nhập khẩu để SX ra rượu thuốc được khấu trừ là 75tr.

- Doanh số KD vũ trường chưa thuế GTGT là 390tr.

Yêu cầu: Kê khai thuế TTĐB phải nộp trong tháng 03/2006.

TỜ KHAI THUẾ TTĐB: 01A/TTĐB

Tên HHDV	ĐVT	Sản lương tiêu thụ	DS bán chưa có thuế GTGT (trđ)	Giá tính thuế TTĐB (trđ)	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Điều chỉnh thuế TTĐB của kỳ trước	Số thuế TTĐB phải nộp
I. HH bán trong nước								
- Bia hơi	Lít	1.000.000	3.900	3.000	30			900
- Bia chai	Lít	300.000	3.500	2.000	75		25	1.475
- Rượu thuốc	Lít	6.000	575	500	15	75		0
II.Dịch vụ								
- KD vũ trường			390	300	30			90
Cộng			7.975					2.465

KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

- **Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

- Tờ khai thuế nhập khẩu (nếu có)

- Biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu

- Bảng kê Mẫu số: 02A/TTĐB, 02B/TTĐB

- Bảng kế Mẫu số: 04/TTĐB

- Tờ khai thuế TTĐB Mẫu số: 01A/TTĐB.

- Bảng giải trình điều chỉnh thuế TTĐB Mẫu số 01C/TTĐB

- Tờ khai thuế TTĐB Mẫu số: 01/TTĐB.

- Quyết toán thuế Mẫu số: 05/TTĐB

- Sổ theo dõi thuế TTĐB

- Báo cáo thuế Mẫu B0 2-DN

KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (tt)

- **Nguyên tắc xác định thuế TTĐB phải nộp.**

  - Cơ sở sản xuất HH chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB đối với HH này ở khâu SX. Nếu NK mặt hàng chịu thuế TTĐB thì phải nộp thuế TTĐB tại nơi kê khai nhập khẩu

  - Các cơ sở sản xuất HH, KD dịch vụ chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB và thuế GTGT khi cung ứng cho các đối tượng tiêu dùng.

  - Cơ sở sản xuất HH chịu thuế TTĐB bằng NL đã chịu thuế TTĐB thì khi kê khai thuế TTĐB phải nộp ở khâu SX được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với NL nếu có chứng từ hợp pháp.

KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

- **Tài khoản sử dụng.**

  Các cơ sở SX hàng hoá, KD dịch vụ thuộc đối diện chịu thuế TTĐB sử dụng tài khoản 3332 - Thuế TTĐB.

  Bên Nợ:

  - Số thuế TTĐB đã nộp vào NSNN

  - Số thuế TTĐB được miễn giảm, được hoàn

  Bên Có:

  - Số thuế TTĐB phải nộp vào NSNN

  Số dư Bên Có:

  - Số thuế TTĐB còn phải nộp vào NSNN

  Số dư Bên Nợ:

  - Số thuế TTĐB đã nộp thừa vào NSNN

KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (tt)

- **Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu.**

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán HHDV bán ra

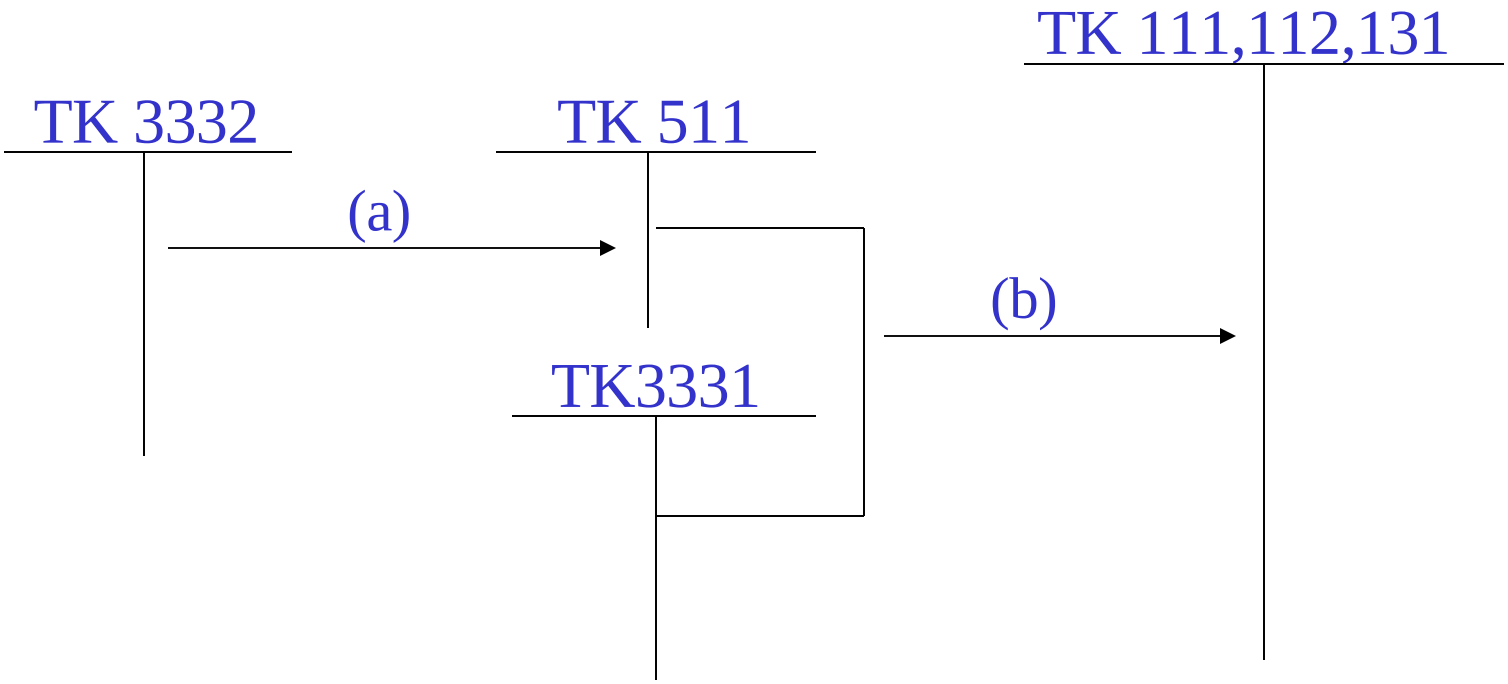

PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ CHỦ YẾU

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán vật tư, hàng hóa nhập khẩu.

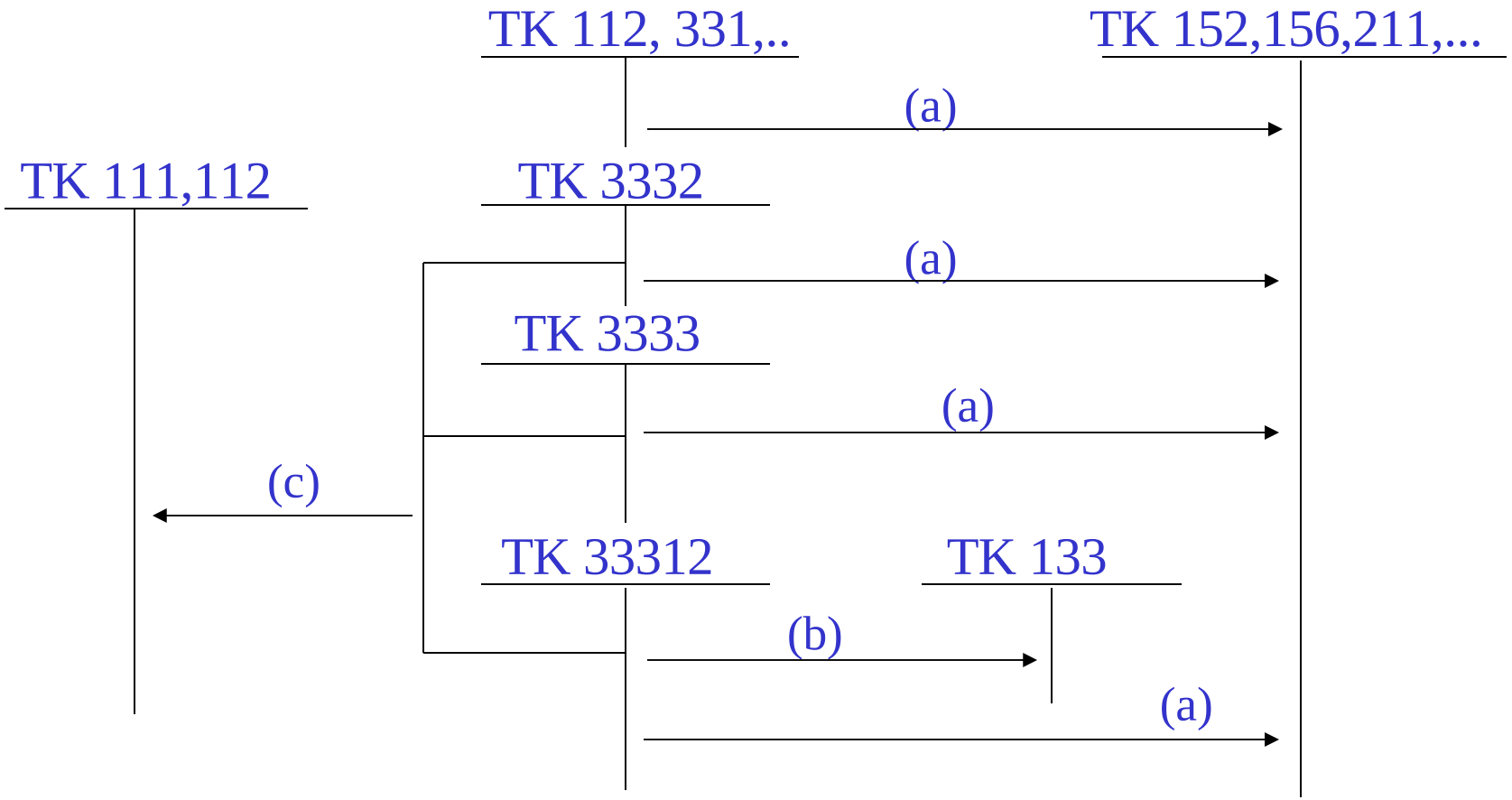

PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ CHỦ YẾU

Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán thuế TTĐB được hoàn lại.

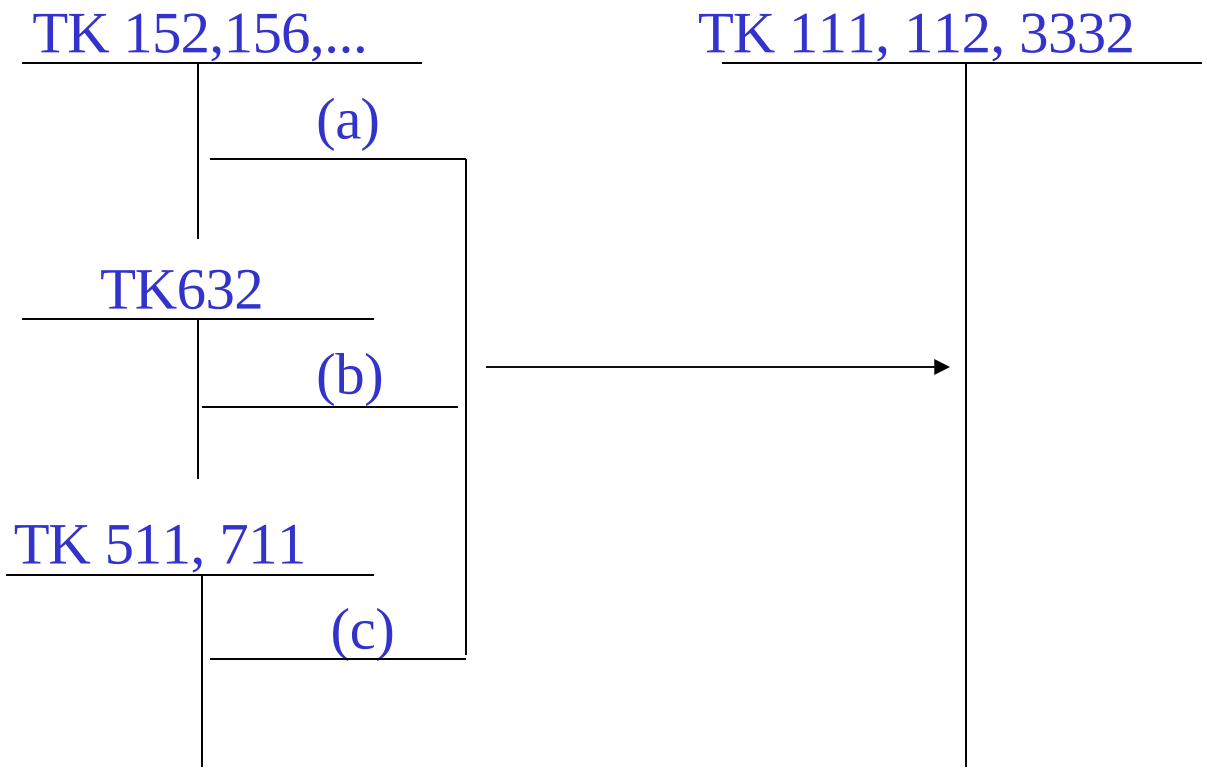

CHƯƠNG 4

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

- **Hiểu được thuế TNDN là gì?.**
- **Tại sao nói thuế TNDN là thuế trực thu?.**
- **Phân biệt lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế.**
- **Xác định doanh thu và thu nhập chịu thuế.**
- **Xác định chi phí SXKD hợp lý, chi phí thuế.**
- **Điều chỉnh Lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế.**
- **Kê khai nộp thuế, lập tờ khai quyết toán TNDN.**
- **Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN.**
- **Chế độ miễn giảm thuế TNDN.**
- **Phương pháp hạch toán thuế TNDN.**
- **.....**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thuế TNDN 2003.
3. Nghị định 164/2003/NĐ - CP ngày 22/12/2003.
4. Thông tư 128/2003/TT - BTC ngày 22/12/2003.
5. Thông tư 127/2003/TT - BTC ngày 22/12/2003.
6. Thông tư 128/2004/TT - BTC ngày 27/12/2004.
7. Nghị định 152/2004/NĐ - CP ngày 06/08/2004.
8. Thông tư 120/TT - BTC, 2005.
9. Chuẩn mực kế toán số 17.
10. Ngô Thế Chi, Nguyễn Văn Hiệu, 2004. Hướng dẫn thực hành Thuế và Kế toán thuế. NXB Tài chính.

.....

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN

- **Khái niệm thuế TNDN.**

Thuế TNDN là loại thuế trực thu đánh vào TNCT sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu và TNCT của CSKD.

Thuế TNDN được ban hành ngày 10.05.1197 nhằm thay thế cho thuế lợi tức trước đây và có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.1999.

Vì sao có sự thay thế từ thuế Lợi tức thành thuế TNDN?.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Đặc điểm của thuế TNDN.**

  - Đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế là một.

  - Không có sự chuyển giao gắng nặng về thuế từ người nộp thuế sang người chịu thuế.

  - Thuế TNDN đánh trên phần TNCT, số thuế TNDN phải nộp được hạch toán và chi phí phí thuế và được trừ ra khi xác định lợi nhuận kế toán của DN (TT 120/BTC-2005).

  - Mức động viên của thuế này nhiều hay ít phục thuộc vào hiệu quả SXKD của DN.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Đối tượng chịu thuế TNDN.**

  Các tổ chức, cá nhân SXKD hàng hoá, dịch vụ (gọi chung là cơ sở kinh doanh) có thu nhập đều phải nộp thuế TNDN.

- **Đối tượng không thuộc diện chịu thuế TNDN.**

  - Hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức kinh tế tập thể khác có thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản.

  - Hộ gia đình, các nhân nông dân sản xuất nông nghiệp có giá trị sản lượng hàng hoá đến 90 triệu đồng/ năm và thu nhập đến 60 triệu đồng/ năm.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp.**

  a. Thu nhập chịu thuế.

TNCT trong kỳ tính thuế = Doanh thu để tính TNCT trong kỳ tính thuế - Chi phí hợp lý trong kỳ + TNCT khác trong kỳ tính thuế

Trong đó:

- Doanh thu để tính TNCT: Là DT thuộc diện chịu thuế TNDN không có thuế GTGT (PPKT) có thuế GTGT (PPTT)

- Các khoản chi phí hợp lý được trừ để tính TNCT (Điều 9 Luật thuế TNDN 2003).

- Các khoản TNCT khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt, quà biếu, quà tặng, nợ không xác định được chủ,...

b. Thuế suất thuế TNDN: Từ ngày 01.01.04 là 28%.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Chi phí hợp lý là những khoản chi mà DN đã chi để tiến hành SXKD trong một kỳ nhất định có liên quan đễn việc tạo ra doanh thu và TNCT của DN.**
- **Các nguyên tắc xác định chi phí hợp lý.**

  - Chi phí có liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập của DN (khoản chi này phải phù hợp sản lượng sản xuất và tiêu thụ).

  - Chi phí mà DN thực tế có chi ra có HĐ, CT hợp pháp.

  - Chi phí phải có mức chi trả hợp lý.

  - Chi phí phải có tính thu nhập hơn là tính vốn.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.**

  - Cơ sở sản xuất trong nước mới thành lập được miễn thuế TNDN 2 năm đầu kể từ khi có TNCT và 50% số thuế TNDN 2 năm tiếp theo. TH thành lập ở huyện thuộc vùng miền núi, hải đảo và vùng khó khăn khác thì thời gian giảm thuế được kéo dài thêm 2 năm.

  - Cơ sở SX trong nước ĐTXD dây chuyền SX mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ,.. được miễn thuế TNDN cho phần TN tăng thêm của năm đầu và giảm 50% số thuế TN phải nộp tăng thêm do ĐT mới mang lại của 2 năm tiếp theo.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

Ví dụ: Tại DN A có tình hình như sau.

- Năm 2000 TNCT của công ty A là 600 tr.

- Đầu năm 2001 Công ty A hoàn thành công trình mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái và đưa vào sử dụng.

- Năm 01, 02, 03 mỗi năm có tổng TNCT là 900 trđ

Như vậy công ty A được miễn thuế, giảm thuế như sau.

+ Năm 01 Công ty A được miễn phần thu nhập chịu thuế là 900tr - 600tr = 300tr

+ Năm 02, 03 mỗi năm C.ty A được giảm số thuế TNDN là (900 - 600) x 50% x 28% = 42 tr

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Đăng ký thuế.**

  - Cơ sở KD có trách nhiệm đăng ký nộp thuế TNDN với việc đăng ký nộp thuế GTGT chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- **Kê khai thuế.**

  - Cơ sở KD có trách nhiệm kê khai và nộp tờ khai thuế tạm nộp cả năm theo mẫu quy định cho cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 25 tháng 1 hàng năm. Căn cứ để kê khai là KQSXKD của năm trước và khả năng KD của năm tiếp theo để tự kê khai doanh thu, chi phí, TNCT, số thuế phải nộp cả năm, có thể chia ra từng quý theo mẫu của cơ quan thuế.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

+ Cơ sở kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ, đúng chế độ kế toán nhưng đã thực hiện bán HHDV có hoá đơn, chứng từ, phải kê khai tính thuế hàng tháng như sau.

Thuế TNDN phải nộp = Doanh thu bán ra x Tỉ lệ (%) TNCT x Thuế suất thuế TNDN

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

+ Hộ kinh doanh chưa thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ mua, bán hàng hoá, dịch vụ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình kinh doanh của từng hộ ấn định mức doanh thu để tính thu nhập chịu thuế và tính thuế theo công thức.

Thuế TNDN phải nộp = Doanh thu ấn định x Tỉ lệ (%) Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

Việc xác định tỉ lệ % TNCT do cán bộ thuế địa phương ấn định phù với từng ngành nghề SX, KD, phì với từng địa phương.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.**

- Cơ sở sản SXKD tự tạm nộp thuế TNDN hàng quý đầy đủ, đúng hạn vào NSNN.

- Cơ sở KD chưa thực hiện đầy đủ, đúng chế độ KT, HĐ, CT thì tính thuế theo PP tỷ lệ TNCT trên DT, thời hạn phải nộp thuế như sau.

+ Cơ sở KD thực hiện việc bán HHDV có HĐ, CT Thời hạn nộp thuế chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

+ Hộ KD chưa thực hiện chế độ KT, HĐ, CT mua, bán HHDV, tính thuế căn cứ vào mức DT ấn định, thời hạn thông báo cùng với thời hạn nộp thuế.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.**

  - CSKD phải quyết toán thuế với cơ quan thuế. Quyết toán thuế phải thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu: DT, chi phí hợp lý, TNCT, số thuế TN phải nộp, số thuế TN đã tạm nộp trong năm, số thuế TN đã nộp, nộp thiếu hoặc nộp.

  - CSKD phải nộp BCTC và BCQT thuế cho CQT trong thời hạn 90 ngày (60), kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

  - Đối với trường hợp sát nhập, chia tách, giải thể,... Thời hạn nộp BC quyết toán là 45 ngày kể từ ngày có quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể của CQ có thẩm quyền.

  - CSKD phải nộp số thuế còn thiếu theo BC quyết toán thuế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phải nộp BC quyết toán thuế cho CQT.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- **Hướng dẫn lập Tờ khai tự quyết toán thuế thuế TNDN.**

PHẦN A. KẾT QUẢ KINH DOANH GHI NHẬN THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Doanh thu bán HH và cung cấp DV (Mã số A1).

- Doanh thu bán HHDV xuất khẩu (Mã số A2).

- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số A3).

MS A3 = MS A4 + MS A5 + MS A6 + MS A7.

- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số A8).

- Chi phí sản xuất kinh doanh HHDV (Mã số A9).

MS A9 = MS A10 + MS A11 + MS A12

- Chi phí tài chính (Mã số A13).

- Chi phí lãi tiền vay dùng cho SXKD (Mã số A14).

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Lợi nhuận thuần từ HĐKD (Mã số A15).

MS A15 = MS A1 – MS A3 + MS A8 – MS A9 – MS A13

- Thu nhập khác (Mã số A16).

- Chi phí khác (Mã số A17).

- Lợi nhuận khác (Mã số A18).

MS A18 = MS A16 – MS A17

- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (Mã số A19)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thực hiện của CSKD trong kỳ tính thuế theo chế độ kế toán.

MS A19 = MS A15 + MS A18

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

PHẦN B. XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ THEO LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Điều chỉnh tăng tổng LN trước thuế TNDN (Mã số B1).

+ Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu (Mã số B2).

Ví dụ : Năm 2004, Cty A đã ký hợp đồng bán 3 chiếc ô tô với giá trị 150 trđ/chiếc. Cty đã xuất HĐ nhưng tới ngày (31/12/2004) xe vẫn chưa được giao cho người mua. Về mặt kế toán, trị giá hai chiếc xe này chưa được coi là tiêu thụ và không được ghi nhận là DT vào TK 511 cho năm 2004. Tuy nhiên vì Cty đã xuất HĐ nên theo các qui định của Luật thuế TNDN khoản DT bán 3 chiếc xe này được coi là DT để tính thuế TNDN cho năm 2004. Như vậy, 450 trđ được ghi vào mã số B2

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

Ví dụ: Cty B, cho Công ty X thuê văn phòng, với diện tích là 500m2 với giá là 3 trđ/m2/năm từ tháng 1/7/2004 đến 30/6/2010. Công ty X trả tiền trước cho 5 năm.

- Về mặt kế toán: Công ty X ghi nhận doanh thu năm 2004 là 750 trđ.

- Về mặt tính thuế TNDN:Cty có thể chon một (.) hai cách.

C1: Chọn nộp thuế trên phần DT phân bổ cho năm 2004.

C2: Chọn nộp thuế trên tổng số tiền nhận trước. Nếu chọn C2 thì Cty phải điều chỉnh DT cho các năm như sau.

Số DT điều chỉnh tăng = Tổng số tiền thuê thu được trừ DT đã ghi nhận năm 2004 = 7.500 trđ - 750 trđ = 6.750 trđ.

Như vậy, 6.750trđ được điều chỉnh tăng DT cho các năm còn lại.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm (Ms B3).

Ví dụ: Cty A trong năm 2004 đã ký hợp đồng bán 3 chiếc ô tô với giá trị 150trđ/chiếc. Cty đã xuất HĐ trong năm 2004 nhưng xe được giao cho khách hàng vào tháng 3 năm 2005. Giá thành SX của ba chiếc xe này là 112 trđ/chiếc.

Về mặt kế toán, DT và GVHB của 3 chiếc xe này được ghi nhận năm 2005. Tuy nhiên vì Cty đã xuất HĐ trong năm 2004 nên về mặt Luật thuế, giá trị 3 chiếc xe này được coi là DT để tính thuế TNDN của năm 2004 nên sẽ được loại ra khỏi DT tính thuế của năm 2005. Do vậy, giá thành của 3 chiếc xe này cũng được loại ra khỏi chi phí được trừ khi tính TNCT của năm 2005. Cty A sẽ ghi vào chỉ tiêu này chi phí là 336 trđ

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài (Mã số B4).

- Chi phí khấu hao TSCĐ không đúng quy định (Ms B5)

Ví dụ: Công ty D có TSCĐ với NG là 5 tỉ đồng. Công ty thực hiện trích KH theo PP đường thẳng, thời gian sử dụng của TSCĐ này là 10 năm. Mức trích khấu hao bình quân theo quy định là 500 triệu đồng/năm. Trong năm 2004, Công ty có lãi nhiều và thực hiện trích khấu hao nhanh để đổi mới thiết bị, Công ty đã tính và trích khấu hao đối TSCĐ này là 1.100 triệu đồng. Như vậy Công ty đã trích khấu hao vượt quá mức tối đa cho phép là 100 trđ. Số liệu ghi vào chỉ tiêu B5 là 100trđ.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Chi phí trả lãi tiền vay vượt mức khống chế (Mã số B6).

Ví dụ: Công ty C có ba khoản vay:

- Vay NHTM X trị giá 100 trđ với lãi suất 8,4%/năm.

- Vay ngân NHTM Y trị giá 300 trđ với lãi suất 8%/năm.

- Vay 500 trđ từ CBCNV trong công ty với lãi suất 12%/năm.

Chi phí trả lãi cho các khoản vay của NH X và Y đều được trừ để xác định TNCT của Cty C mặc dù LS của cho vay của hai NH khác nhau. Riêng khoản vay của cá nhân bị khống chế không vượt quá 1,2 lần mức LS cho vay của NHTM trong cùng thời kỳ tại thời điểm vay. Vậy tỉ lệ lãi suất tối đa được trừ đối với khoản vay thứ ba là 1,2 lần của 8,4% hay bằng 10,08%. Cty C phải trừ phần trả lãi tiền vay cho CBCNV vượt mức khống chế ra khỏi TNCT.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Chi phí không có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định (Mã số B7).
- Các khoản thuế bị truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí (Mã số B8).
- Các khoản chi phí không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế (Mã số B9)
- Chi phí tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, chủ hộ cá thể, cá nhân kinh doanh và tiền thù lao trả cho sáng lập viên, thành viên hội đồng quản trị của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn không trực tiếp tham gia điều hành SXKD (Mã số B10):

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Tiền lương, tiền công không được tính vào chi phí hợp lý do vi phạm chế độ hợp đồng lao động (Mã số B11).
- Chi tiền ăn giữa ca vượt mức quy định (Mã số B12).
- Chi trang phục vượt mức quy định (Mã số B13).
- Chi cho lao động nữ vượt mức quy định (Mã số B14).
- Chi phí quản lí kinh doanh do công ty ở nước ngoài phân bổ vượt mức quy định (Mã số B15).
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, nợ phải trả mà thời gian nợ từ 12 tháng trở xuống có nguồn gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính (Mã số B16)

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

Ví dụ : Trong năm 2004, chi phí QL được p.bổ của một chi nhánh NH nước ngoài A là:

- CP pbổ bởi trụ sở chính là 1 tỉ đồng (tổng CPQLKD của công ty ở NN là 100.000 trđ, tỷ lệ phân bổ cho Chi nhánh tại Việt Nam bằng 1% trên tổng CP)

- CP pbổ bởi VPKV là 0.6 tỉ đồng (tổng CP của VPKVlà 6 tỷ đồng, pbổ cho Chi nhánh tại VN tương đương 10% tổng CPQL PS bởi VPKV).

- Tổng DTcủa toàn NH là 400tr đô la Mỹ và DT của chi nhánh VN là 5 tr đô la Mỹ. Như vậy, mức khống chế đối với CPQL do Công ty ở NN pbổ cho NH A tại VN là:

5 triệu (USD) /400 triệu (USD) x 100.000 tr = 1.250 tr (đồng)

CPQLKD do Công ty ở NN phân bổ vượt mức khống chế là:

1.600 tr – 1.250 tr = 350 triệu (đồng)

Ví dụ: Cty A là một cty có vốn đầu tư NN. Theo BCKQKD và sổ KT chi tiết, một số chỉ tiêu chính trong năm 2004 như sau:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh HHDV	**37 tỷ**
- Giá vốn hàng bán	**25 tỷ**
- Chi phí bán hàng ***Trong đó: Chi phí quảng cáo, khuyến mại***	**6 tỷ** ***4 tỷ***
- Chi phí quản lý doanh nghiệp ***Trong đó: Các khoản phí, lệ phí, tiền thuê đất phải nộp trong năm***	**6 tỷ** ***1 tỷ***
2. Chi phí hoạt động tài chính 0,5 tỷ đồng	**0,5 tỷ**

BẢNG TÍNH CHI PHÍ QUẢNG CÁO, TIẾP THỊ, KHUYẾN MẠI, GIAO DỊCH, ĐỐI NGOẠI.... VƯỢT MỨC QUY ĐỊNH

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng chi phí SXKD HHDV trong kỳ tính	37,5 tỷ
2	Các khoản CP không được tính vào CPHL	0
3	Các khoản CP không được tính để xác định mức khống chế về chi phí quảng cáo, tiếp thị ... : - Các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất phải nộp có liên quan đến HĐSXKD, dịch vụ	1 tỷ
4	CP qcáo, tiếp thị, khuyến mại, đối ngoại... thực tế đã chi và hạch toán vào CPSXKD trong năm	4 tỷ
5	CP để xác định mức khống chế về chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, giao dịch, đối ngoại...	32,5 tỷ
6	CP qcáo, tiếp thị, kh.mại, đối ngoại... theo mức khống chế được tính vào CPHL khi x/đ TNCT.	3,25 tỷ
7	Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, giao dịch, đối ngoại... vượt mức quy định.	- 0,75

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Các khoản điều chỉnh tăng LN trước thuế khác (B18).
- Điều chỉnh làm giảm tổng lợi nhuận trước thuế (B19).

MsB19 = MsB20 + MsB21 + MsB22 + MsB23 + Ms B24

+ Lợi nhuận từ h/đ không chịu thuế TNDN (Ms B20).
+ Giảm trừ các khoản DT đã tính thuế năm trước (B21).
+ Các khoản chi phí của DT đã điều chỉnh tăng (B22).
+ Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có thời hạn dưới 12 tháng tại thời điểm cuối năm tài chính (Ms B23).
+ Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác (Ms B24)

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp chưa trừ chuyển lỗ (Mã số B25).

MsB25 = MsA19 + MsB1 – MsB19

- Thu nhập từ hoạt động SXKD (trừ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất) (B26).

- Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất (Mã số B27).

- Lỗ từ các năm trước chuyển sang (Mã số B28).

Mã số B28 = Mã số B29 + Mã số B30

- Lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (Mã số B29).

- Lỗ từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất (Mã số B30).

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (đã trừ chuyển lỗ) (Mã số B31).

- Thu nhập từ HĐSXKD (trừ thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất) (Mã số B32)

Mã số B32 = Mã số B26 - Mã số B29

- Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất (Mã số B33)

Mã số B33 = Mã số B27 – Mã số B30

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số TNCT từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất của CSKD trong kỳ tính thuế.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

PHẦN C: XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP TRONG KỲ TÍNH THUẾ

- Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông (Mã số C1)

Mã số C1 = Mã số B31 x 28%

- Thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất (Mã số C2).

Mã số C2 = Mã số B33 x 28%

- Thuế thu nhập bổ sung từ thu nhập chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất (Mã số C3).

- Thuế TNDN chênh lệch do cơ sở kinh doanh áp dụng thuế suất khác mức thuế suất 28% (Mã số C4).

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN (tt)

- Thuế thu nhập được miễn, giảm trong kỳ tính thuế (Mã số C5).

- Số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế (Mã số C6).

- Thuế TNDN phát sinh phải nộp trong kỳ tính thuế (Mã số C7).

Mã số C7 = Ms C1+ MsC3 - Ms C4 – Ms C5- Ms C6

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- **Chứng từ sử dụng.**

  - Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, hoá đơn đặc thù,...

  - Bảng kê 02/GTGT; 03/GTGT; 04/GTGT; 05/GTGT; 06/GTGT

  - Bảng kê mua HHDV của tổ chức, cá nhân không KD không có hoá đơn, chừng từ Mẫu số: 01/TNDN

  - Tờ khai thuế TNDN Mẫu số: 02A/ TNDN

  - Tờ khai điều chỉnh thuế TNDN Mẫu số 02B/TNDN

  - Sổ theo dõi chi tiết thuế TNDN .

  - Bảng quyết toán thuế TNDN.

  - Báo cáo KQKD B02 - DN (Phần I lãi, lỗ).

  - Các Phụ lục liên quan đến việc quyết lập quyết toán.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- *Phương pháp hạch toán các nghiệp chủ yếu liên quan đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.*
- **Tài khoản sử dụng.**

Tài khoản 3334 - Thuế TNDN:

Bên Nợ:

- Số thuế TNDN, đã nộp vào NSNN;

- Số thuế TNDN tạm phải nộp lớn hơn số thuế TNDN phải nộp được xác định khi kết thúc năm tài chính.

Bên Có

- Số thuế TNDN phải nộp.

- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung

Số dư bên Có:

- Số thuế TNDN còn phải nộp vào NSNN.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- **Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN.**

Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;

- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung.

- Chi phí TNDN hoãn lại phát sinh trong năm.

- Kết chuyển chênh lệch giữa số PS bên Có TK 8212 lớn hơn số PS bên Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911.

Bên Có:

- Số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số tạm nộp.

- Ghi giảm CF thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận TS thuế TN hoãn lại

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót.

- Kết chuyển số chênh lệch bên ợ TK 911.

Tài khoản 821 không có số dư cuối năm.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Hàng quý, khi xác định thuế TNDN tạm phải nộp.

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334 - Thuế TNDN

- Khi nộp thuế TNDN vào NSNN, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế TNDN

Có các TK 111, 112,…

- Cuối năm tài chính, căn cứ vào số thuế TNDN thực phải nộp.

+ Nếu số thuế TNDN thực phải nộp lớn hơn số tạm nộp.

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334 - Thuế TNDN.

+ Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số tạm nộp

Nợ TK 3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Cuối năm tài chính, kế toán kết chuyển chi phí thuế thu nhập hiện hành, ghi:

+ Nếu TK 8211 có số PS Nợ lớn hơn số PS Có, thì số chênh lệch ghi:

Nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành

+ Nếu TK 8211 có số PS Nợ nhỏ hơn số PS Có, thì số chênh lệch ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- ***Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ Thuế TN hoãn lại phải trả.***
- **Tài khoản sử dụng.**

Để theo dõi hạch toán thuế TN hoãn lại phải trả, kế toán sử dụng tài khoản 347 - Thuế TN hoãn lại

Bên Nợ:

- Thuế TN hoãn lại phải trả giảm (được hoàn nhập) trong kỳ.

Bên Có:

- Thuế TN hoãn lại phải trả được ghi nhận trong kỳ.

Số dư bên Có:

- Thuế TN hoãn lại phải trả còn lại cuối kỳ.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- **Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu.**

+ Cuối năm tài chính, nếu số thuế TN hoãn lại phải trả PS trong năm lớn hơn số thuế TN hoãn lại phải trả được hoàn nhập.

Nợ TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Có TK 347 – Thuế TN hoãn lại phải trả.

+ Nếu số thuế TN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế TN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm

Nợ TK 347 – Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Có TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Trường hợp phải điều chỉnh tăng thuế thu nhập hoãn lại phải trả, ghi: Nợ TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Nợ), hoặc Giảm số dư Có đầu năm TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước (Nếu TK 4211 có số dư Có) Có TK 347 - Thuế TN hoãn lại phải trả.

- Trường hợp phải điều chỉnh giảm thuế TN hoãn lại phải trả, ghi: Giảm số dư Có đầu năm TK 347 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, tăng số dư Có đầu năm TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước (Nếu TK 4211 có số dư Có), hoặc Giảm số dư Nợ đầu năm TK 4211- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước (Nếu TK 4211 có số dư Nợ)

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- ***Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ TS thuế TN hoãn lại.***
- **Tài khoản sử dụng.**

Để theo dõi hạch toán tài sản thuế TN hoãn lại, kế toán sử dụng TK 247 – Tài sản thuế TN hoãn lại

Bên Nợ:

- Giá trị tài sản thuế TN hoãn lại tăng.

Bên Có:

- Giá trị tài sản thuế TN hoãn lại giảm.

Số dư bên Nợ:

- Giá trị tài sản thuế TN hoãn lại còn lại cuối năm;

- Điều chỉnh số dư đầu năm đối với tài sản thuế TN hoãn lại được ghi nhận (hoặc hoàn nhập) trong năm